

Phẩm 1: NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM

1. Giải thích tên phẩm:

Phật ngũ tâm: tức tâm pháp do các Đức Phật giảng nói. Nhưng pháp môn nói trong kinh, đại khái có bốn, đó là năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã. Chỉ nói về tâm: vì bốn pháp môn này là cương mục của toàn kinh, là tinh yếu để nghiên cứu tâm, như Kinh Nhập Lăng-già chép: năm pháp tự tánh... là các pháp môn nhiệm mầu, là tất cả các Đức Phật, Bồ-tát nhập vào cảnh tự tâm, lia tướng sở hành, gọi là nghĩa chân thật, là giáo tâm của các Đức Phật.

Tôi nghe như vậy: một thuở nọ, Đức Phật ngự trên đỉnh núi Lăng-già ở bờ biển phía Nam, trang nghiêm bằng các thứ hoa báu, câu hội với các vị đại Tỳ-kheo tăng và chúng Đại Bồ-tát. Chúng Đại Bồ-tát này từ các cõi Phật khác đến, các Ngài có năng lực tự tại, vô lượng chánh định, và thần thông du hý, Đại Bồ-tát Đại Tuệ là bậc Thượng thủ. Các Ngài đã được tất cả các Đức Phật làm phép Quán đảnh và khéo hiểu nghĩa cảnh giới do tự tâm hiện, các loài chúng sinh, các thứ tâm sắc, vô lượng độ môn tùy loài hiện khắp. Đối với năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai vô ngã, các Ngài đã thông đạt rốt ráo.

Đây là phần tựa chung. Như vậy: là chỉ cho được nghe pháp, cũng là lời tin thuận. Tôi nghe: là ngài A-nan nghe Phật nói pháp này. Một thuở nọ: là thời gian vị Giáo chủ và đồ chúng ở trong hội. Phật: là giác, nghĩa là giác đạo đã thành, tùy theo căn cơ mà nói pháp, dẫn dắt làm lợi ích an vui chúng sinh. Trụ trên đỉnh núi Lăng-già thuộc bờ biển phía Nam: là nơi chốn nói pháp. Hoa báu trang nghiêm: là chỉ sự tốt đẹp quý giá. Chúng đại Tỳ-kheo, Bồ-tát: xếp vào chúng đồng nghe. Từ các cõi Phật khác đến: là nêu xa biết gần, để hiển rõ chúng đồng. Vô lượng Tam-muội... là khen ngợi đức của Bồ-tát. Từ Đại Tuệ trở xuống là khen ngợi riêng đức của ngài Đại Tuệ. Được các Đức Phật đưa tay làm phép Quán đảnh: là nói giai vị kia ở bậc Đẳng giác, sẽ được trao địa vị Phật cho nên được Phật làm phép Quán đảnh. Cảnh giới tự tâm hiện: Là tất cả cảnh giới thiện ác đều do tự tâm hiện ra. Đại Tuệ khéo hiểu nghĩa cảnh giới tự tâm hiện, trí tuệ siêu vượt cao xa. Các thứ sắc tâm chúng sinh: nghĩa là tất cả loài hữu tình năm uẩn các thứ đều khác nhau. Đại Tuệ dùng vô lượng độ môn mà ứng hiện khắp, đó chính là pháp môn sâu rộng. Năm pháp là: danh, tướng, vọng tướng, chánh trí, và như như. Ba tự tánh là: vọng tướng, duyên khởi và thành. Thức: tức là tám thức. Hai vô ngã: là người vô ngã và pháp vô ngã. Các pháp trên đây Đại Tuệ

đều khéo léo thông đạt rốt ráo, vì mọi người mà làm người phát khởi. Đây là Đức Phật khen ngợi sâu xa.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ và Bồ-tát Ma-đế cùng nhau đến tất cả cõi nước các Phật, nương oai thần Phật đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính dùng kệ khen ngợi Phật.

Dưới đây là phần tựa riêng. Ma-đế, Hán dịch là Tuệ, tự vén y bày vai rất cung kính là nghi thức cung kính ở Thiên Trúc.

2. Lý do khởi tâm đại bi:

*“Thế gian là sinh diệt.
Như hoa đốm trong không.
Trí chẳng thấy có không.
Mà khởi tâm đại bi.
Tất cả pháp như huyễn.
Đều xa là tâm thức.
Trí chẳng thấy có không.
Mà khởi tâm đại bi.
Xa là chấp đoạn thường.
Thế gian thường như mộng.
Trí chẳng thấy có không.
Mà khởi tâm đại bi”.*

Tất cả chúng sinh ở thế gian đều bỏ giác theo trần, trôi lăn trong vòng sinh tử mà sinh khởi tâm thức vọng tưởng, lại chấp hai thứ đoạn thường, không thể vượt ra. Như lai dùng trí tuệ nhiệm mầu quán sát thông đạt tất cả các pháp sinh diệt... Như hoa đốm trong hư không, như mộng huyễn chẳng phải có chẳng phải không, sinh khởi tâm đại bi mà độ thoát, giúp cho chúng sinh đều được xa lìa.

*“Biết người pháp vô ngã.
Phiền não và nhĩ diệm
Thường thanh tịnh vô tướng.
Mà khởi tâm đại bi.”*

Đây là lìa phiền não hoặc chướng của hoặc chướng, trí chướng. Nhĩ diệm là tiếng Phạm, nghĩa là trí chướng. Trí vốn phá hoặc, hoặc tức là hai thứ chấp, người và chấp pháp. Vô ngã: là không có hai thứ chấp này. Nếu đối với trí, sinh chấp đả trí cũng thành chướng, đức Như lai hiểu rõ người, pháp, hoặc, trí vốn không, cho nên nói “Thường thanh tịnh vô tướng”. Chúng sinh do mê mà chịu khổ, cho nên khởi tâm đại bi mà cứu giúp.

3. Nói về lý bất sanh bất diệt:

*“Tất cả không Niết-bàn.
Không Niết-bàn của Phật.
Không có Phật Niết-bàn.
Xa lìa giác, sở giác.
Hoặc hữu, hoặc vô hữu.
Cả hai thấy đều lìa”.*

Tất cả là: tất cả chúng sinh. Niết-bàn: là lý bất sinh bất diệt, Phật và chúng sinh đều có lý này. Không có sinh tử để dứt thì đâu có Niết-bàn để chứng, cho nên nói “Tất cả không Niết-bàn”. Nhưng chẳng chứng mà chứng, chứng Niết-bàn này. Cho nên Phật là người năng chứng, Niết-bàn là pháp sở chứng. Lìa pháp, không có người, cho nên nói “Không có Niết-bàn của Phật”. Lìa người vô pháp, cho nên nói không có Phật Niết-bàn. Kinh Nhập Lăng-già chép: Phật không trụ Niết-bàn, Niết-bàn không trụ nơi Phật. Lời tuy khác mà nghĩa thì đồng. Giác là Phật sở giác, tức Niết-bàn, người, pháp đều mất, cho nên nói “xa lìa giác, sở giác”. Nhưng người pháp đều không là quên hữu mà chưa quên vô, cho nên nói “hoặc hữu, hoặc vô hữu, cả hai đều lìa”.

4. Nói về lìa chấp đắm:

*“Quán Mâu-ni vắng lặng
Cho nên xa lìa sinh
Ấy gọi là chẳng chấp
Đời nay, đời sau tịnh”.*

Mâu-ni là tiếng Phạm, Hán dịch là Tịch mặc, là tên Phật. Ở đây nói người quán được thể vắng lặng của Phật như thế thì sinh ra xa lìa, vì thế đối với Phật bất sinh chấp đắm, cho nên đời nay, đời sau đều được thanh tịnh. Kinh Nhập Lăng-già chép: Nếu thấy Mâu-ni vắng lặng, sinh xa lìa thì người ấy đời nay đời sau lìa chấp đắm, không còn chấp đắm, lời nghĩa càng rất rõ ràng. Các bài kệ trên khen ngợi Phật đều nói lìa chấp đắm, do khen ngợi Phật được sinh điều lành, nếu không lìa chấp đắm thì không thể sinh điều lành sâu xa.

5. Bồ-tát Đại Tuệ phát khởi:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ khen Phật xong, tự nói tên họ:

*Con tên là Đại Tuệ,
Thông đạt được Đại thừa,
Nay đem trăm tám câu,
Thưa hỏi bậc Tối tôn”.*

Dưới đây là phần chánh tông, Đại Tuệ tự nói là căn cơ Đại thừa,

vì chúng mà phát khởi.

6. Đức Phật hứa nói:

*“Khi bậc Thế gian giải,
Nghe Bồ-tát nói kệ,
Quán sát tất cả chúng,
Bảo các Phật tử rằng:
Này Phật tử các ông!
Nay cho mặc tình hỏi,
Tôi sẽ vì các ông,
Nói cảnh giới tự giác”.*

Thế gian giải là một trong mười hiệu của Như lai. Đại Tuệ hỏi một trăm lẻ tám câu, đều là pháp mà Như lai đã thân chứng, cho nên nói cảnh giới tự giác.

7. Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi một trăm lẻ tám câu:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ do lời Phật nói, đánh lễ dưới chân Phật, chắp tay cung kính dùng kệ hỏi rằng”.

Bảo Thân chú Nhập Lăng-già chép: Sau đây là các bài kệ hỏi nghĩa một trăm lẻ tám câu. Có trường hợp một câu là một nghi vấn, có trường hợp hai câu là một nghi vấn, có trường hợp ba câu là một nghi vấn, cho đến mười câu là một nghi vấn, có khi một câu là hai nghi vấn, nói chung, một trăm lẻ tám câu này là hỏi về năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã, là pháp môn đối trị để cứu độ chúng sinh. Vì vậy, Đại Tuệ nêu những việc đã thấy khi cùng Ma-đế đến các cõi nước của các Đức Phật, cho nên dưới đây hỏi núi, biển, trời, trăng v.v... danh, tướng, vọng tưởng trong năm pháp. Đoạn dưới hỏi các thiên giải thoát v.v... tức là chánh trí, như như trong năm pháp.

“Làm sao thanh tịnh được niệm kia? Là hỏi làm thế nào thanh tịnh được vọng niệm kia mà sinh chánh niệm?

Làm sao khiến niệm thêm lớn? Là hỏi tịnh niệm thêm lớn.

Làm sao thấy si hoặc? Là hỏi về khởi kiến hoặc?

Vì sao hoặc thêm lớn? Là hỏi thêm lớn kiến hoặc?

Vì sao có tướng biến hóa các cõi và các ngoại đạo? Là hỏi Như lai ở trong cõi nước, thị hiện thân tướng biến hóa chúng sinh và các ngoại đạo.

Vì sao không chịu thứ lớp? Kinh Nhập Lăng-già chép: Không có hình ảnh thứ lớp, nghĩa là hỏi trong pháp vô tướng thì do đâu mà có thứ lớp?

Vì sao gọi vô thọ? Do ở trên hỏi nếu có thứ lớp, vì sao gọi là pháp

vô tướng. Vô thọ tức là nghĩa vô tướng.

Vì sao gọi là Phật tử? Là hỏi vì sao Bồ-tát gọi là Phật tử?

Giải thoát đến chỗ nào? Là hỏi người tu hành đã được giải thoát thì có thể đến chỗ nào?

Ai buộc, ai giải thoát? Là hỏi khi mê ai bị trói buộc, khi ngộ ai được giải thoát?

Cái gì là cảnh giới thiện? Là hỏi các thiện định lấy gì làm cảnh giới?

Tại sao có ba thừa? Cúi mong giải thích cho. Hỏi do đâu mà có ba thừa: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Duyên khởi vì sao sinh? Thế nào tác sở tác?: Là hỏi duyên khởi thiện ác và nghiệp quả gây ra.

Thế nào thuyết đồng khác? Là hỏi ngoại đạo tà kiến vì sao có thuyết đồng khác?

Thế nào là thêm lớn? Kinh Nhập Lăng-già chép: Vì sao các hữu khởi? Nghĩa là khởi ba cõi.

Thế nào gọi là định Vô Sắc? Là hỏi về bốn không định của cõi Vô Sắc.

Cùng với diệt chánh thọ? Là hỏi chánh thọ định diệt tận!

Thế nào là tướng diệt? Vì sao từ định giác? Là hỏi tâm thọ tướng diệt là định, vì sao từ định mà khởi giác!

Vì sao sở tác sinh? Tiến đi và giữ thân? Là hỏi từ định khởi dụng, phạm sở tác là do thân này tiến đi, an trụ được tự tại hoàn toàn.

Vì sao hiện phân biệt? Là hỏi hiện thân nói pháp phân biệt các tướng khác nhau của các pháp?

Làm sao sinh các địa? Là hỏi được ngộ nhập các địa vị. Kinh Nhập Lăng-già chép: Làm sao nhập vào các địa?

Ai người phá ba cõi? Ở đâu? Thân ra sao? Là hỏi phá được các cõi, vượt ra ngoài ba cõi. Sao gọi là Phật tử? Kinh nhập Lăng-già chép: Làm sao có Phật tử có khả năng phá được ba cõi?

Vãng sinh đến chỗ nào? Hỏi đã phá ba cõi rồi thì vãng sinh về cõi nào?

Sao gọi Tối thắng tử? Là hỏi trong hàng đệ tử Phật, ai là bậc nhất?

Nhờ đâu được thần thông? Và Tam-muội tự tại? Là hỏi thần thông tự tại do tu hành như thế nào mà được?

Tâm Tam-muội là gì? Tối thắng vì con nói. Là hỏi tâm Tam-muội vì sao là tốt đẹp?

Thế nào gọi là tạng? Là hỏi tàng thức thứ tám?

Thế nào ý và thức? Là hỏi về ý căn và các thức.

Vì sao sinh và diệt? Vì sao thấy rồi không? Là hỏi ý thức khởi thấy sinh diệt, thấy rồi cũng diệt? Kinh Nhập Lăng-già chép: Vì sao khởi các kiến? Vì sao thối các kiến?

Thế nào là chủng tánh, phi chủng và tâm lượng? Hỏi chủng tánh khác nhau giữa ba thừa, ngoại đạo không có chủng tánh và tâm lượng bất định chủng.

Vì sao lập ra tướng? Cùng với nghĩa vô ngã? Là hỏi hữu tướng và tướng vô ngã?

Vì sao không chúng sinh? Sao thế tục nói có? Là hỏi chân vô tục hữu.

Thế nào là chấp đoạn, và chấp thường chẳng sinh? Là hỏi hai kiến chấp đoạn, thường?

Tại sao Phật, ngoại đạo, tướng chẳng hề trái nhau? Là hỏi tà chánh không trái nhau?

Vì sao đời tương lai lại sinh các bộ phái? Là hỏi sau khi Phật diệt độ đệ tử Ngài lại lập các bộ phái khác nhau.

Sao gọi không gọi nhân? Sao gọi sát-na hoại? Hỏi tánh không của các pháp, sát-na niệm diệt, niệm sát-na rất nhỏ nhiệm?

Thế nào thai tạng sinh? Là hỏi về gá thai thọ sinh?

Vì sao đời bất động? Là hỏi tướng thế gian có tánh chất dời đổi, vì sao bất động.

Do đâu như huyền mộng? Và thành Càn-thát-bà, như ánh nắng thế gian, như trăng soi mặt nước. Đây là hỏi năm ví dụ: Dụ cho tướng sinh diệt của thế gian đều là nghĩa không thật. Càn-thát-bà là tiếng Phạm, Hán dịch Tầm hương thành.

Do đâu nói chi giác, cùng với Bồ-đề phần? Là hỏi bảy giác chi và tám chánh đạo.

Vì sao cõi nước loạn? Là hỏi cõi nước nương ở, vì sao mà hư hoại rối loạn.

Vì sao khởi chấp Hữu? Là hỏi các pháp không có tự thể tại sao khởi chấp Hữu, Hữu là ba cõi. Kinh Nhập Lăng-già chép: vì sao thấy các cõi?

Thế nào bất sinh diệt? Đời như hoa trong không? Là hỏi tướng thế gian như hoa đốm trong hư không, vì sao nói bất sinh không diệt. Kinh nhập Lăng-già chép: Thế nào là hoa đốm giữa hư không, bất sinh cũng không diệt?

Thế nào giác thế gian? Vì sao nói lìa văn tự? Là hỏi chúng sinh

làm sao hiểu biết các pháp thế gian? Làm sao lia tướng văn tự?

Lìa vọng tưởng là ai? Vì sao ví hư không? Là hỏi ai biết các pháp như hư không lìa vọng tưởng phân biệt? Kinh Nhập Lăng-già chép: vì sao như hư không? Làm sao lìa phân biệt.

Có mấy thứ như thật? Là hỏi chân như có bao nhiêu thứ.

Mấy tâm Ba-la-mật? Có bao nhiêu độ tâm?

Nhờ đâu vượt các địa? Ai đến vô sở thọ? Là hỏi ai có thể vượt qua thập địa, đạt đến Phật địa? Vô sở thọ là cảnh giới Phật.

Hai vô ngã là gì? Là hỏi ai có khả năng không bị hoặc chướng, chấp hai thứ người pháp.

Làm sao tịnh nhĩ - diệm? Là hỏi ai có khả năng làm thanh tịnh trí chướng?

Các trí có mấy thứ? Là hỏi các chánh trí.

Mấy giới, tánh chúng sinh? Là hỏi chúng sinh tánh khác nhau, có mấy thứ giới cấm?

Ai sinh các thật tánh? Ngọc ma-ni chân châu? Là hỏi các vật báu do đâu mà sinh.

Ai sinh các ngữ ngôn? Chúng sinh các thứ tánh? Là hỏi ngữ ngôn của chúng sinh khác nhau, chủng tánh khác nhau, do đâu mà khởi.

Minh xứ và kỹ thuật, người nào đã hiển bày? Là hỏi pháp năm minh và kỹ thuật. Năm minh gồm: 1. Nội luận, nghĩa là hết thấy Phật pháp. 2. Ngoại luận có bốn thứ: Nhân, Thanh, Y phương, Công xảo. Năm minh này mỗi thứ đều có công năng sinh ra trí tuệ cho nên gọi là “Minh xứ”.

Già-đà có mấy thứ? Trường tụng và đoản cú? Già-đà là tiếng Phạm, Hán dịch là Cô khởi, cũng gọi là Phúng tụng, khác với trùng tụng. Hỏi cô khởi tụng và văn xuôi trùng tụng.

Có mấy thứ lý luận? Là hỏi lý thú trong kinh. Kinh Nhập Lăng-già chép: bao nhiêu thứ đạo lý khác nhau.

Thế nào gọi là luận? Là hỏi về luận giải thích kinh, Kinh Nhập Lăng-già chép: Giải thích mấy thứ khác nhau?

Tại sao sinh ăn uống? Và sinh các ái dục? Là hỏi thức ăn do ai làm, ái dục vì sao mà khởi?

Thế nào gọi là vua? Chuyển luân và tiểu vương. Thế nào giữ đất nước? Là hỏi các vua chuyển luân và tiểu vương cùng pháp giữ gìn cõi nước.

Các trời có mấy thứ? Vì sao gọi mặt đất, các sao và trời trăng? Hỏi danh tướng cõi Dục.

Người tu hành giải thoát, mỗi bậc có mấy thứ? Là hỏi về Hữu học, Vô học, người giải thoát là Vô học, người tu hành là học.

Đệ tử có mấy thứ? Sao gọi A-xà-lê? Là hỏi thầy và đệ tử, A-xà-lê, Hán dịch là Giáo sư.

Phật lại có mấy bậc? Lại có mấy chủng sinh? Là hỏi ba thân Phật và bốn sinh, bốn sự. Bốn sinh là việc làm đời trước của Phật. Kinh Nhập Lăng-già chép: Như lai có mấy bậc, bốn sinh, bốn sự cũng vậy.

Ma và các ngoại đạo, mỗi loại mấy thứ? Là hỏi chúng ma và các ngoại đạo: Ma, tiếng Phạm Ma-la, Hán dịch là Năng hại, là làm hại pháp lành.

Tự tánh và tự tâm, mỗi loại bao nhiêu thứ? Là hỏi tánh và tâm có bao nhiêu loại khác nhau.

Thế nào thì thiết lượng? Cúi mong Tối Thắng nói? Là hỏi tâm lượng vọng tưởng thì thiết, Tối Thắng chính là Phật.

Thế nào không gió mây? Là hỏi về danh tướng vô tình cõi Dục.

Vì sao niệm thông minh? Là hỏi tâm niệm hữu tình cõi Dục làm sao có thể phát sinh trí tuệ.

Thế nào là rừng cây? Thế nào là cỏ rậm? Thế nào voi ngựa nai? Thế nào là bắt lấy? Là hỏi cây cỏ do đâu mà sinh? Là hỏi voi ngựa do đâu mà sinh? Lại nữa ai có khả năng bắt lấy.

Vì sao mà thấp hèn? Là hỏi do nhợp gì mà làm người thấp hèn.

Vì sao chia thời tiết? Là hỏi một năm vì sao chia ra sáu tiết. Ở tây vực thì tháng làm một tiết, một năm chia làm sáu tiết.

Sao gọi Nhất-xiển-đề? Nhất-xiển-đề là tiếng Phạm, Hán dịch là Cực ác. Lại dịch là Tín bất cụ (không có lòng tin).

Nam, nữ và bất nam, họ làm sao mà sinh? Là hỏi người nam, người nữ và năm hạng bất nam ở thế gian do đâu mà sinh?

Sao gọi tu hành thối? Sao gọi tu hành sinh? Là hỏi người tu hành do đâu mà thối đạo, do đâu mà sinh tinh tấn.

Thiền sư dùng pháp gì? Lập ra hạng người nào? Là hỏi người tu thiền định dùng pháp gì dạy đạo.

Chúng sinh sinh các đường, tướng gì và loại gì? Là hỏi về hình dáng, chủng loại chúng sinh trong sáu đường.

Thế nào là tài phú? Vì sao được tài phú? Là hỏi giàu sang, của cải ở thế gian do đâu mà được.

Thế nào là họ Thích? Do đâu có họ Thích chủng? Thế nào họ Cam-giá, xin Vô thượng tôn nói: hỏi dòng họ Thích-ca và dòng Cam-giá. Kinh Bản hạnh Tập chép: vua Đại Mao Thảo được thành vua tiên,

bị người thợ săn bắn chết, máu nhỏ xuống đất mọc lên hai cây mía, bị ánh nắng mặt trời soi chiếu nên một gốc sinh một bé trai, một gốc sinh đứa bé gái, nam tên là thiện sinh, tức vua Cam-giá, dòng họ Thích chính là con cháu nối dõi.

“Thế nào Trường khổ tiên? Kia dạy bảo những gì? Hỏi người tu tiên khổ hạnh ý cầu sống lâu, thọ giáo với ai”.

“Như lai vì sao bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu hiện tất cả các loại danh sắc, Tối thắng tử vây quanh”: Hỏi Phật hiện thân ở các cõi nhiều như bụi nhỏ, tùy loại khác nhau, có đại chúng vây quanh, do nhân gì mà được như vậy!

“Vì sao không ăn thịt? Tại sao cấm ăn thịt? Các chủng loại ăn thịt, nhân gì nên ăn thịt.” Là hỏi về nguyên nhân ăn thịt và cấm ăn thịt?

“Hình trời trăng ra sao, Tu-di và hoa sen, cõi sư tử hơn hết! Thế giới nghiêng đứng che, như lưới trời Đế-thích”. Ở đây là hỏi hình tướng thế giới. Núi Tu-di là núi Diệu cao, thống lãnh một tứ thiên hạ, một mặt trời, một mặt trăng. Nhiều hoa sen là thế giới Hoa tạng. Nói thế giới Sư tử là trên hết trong các cõi. Các thế giới hình loại khác nhau như có nghiêng, có che, có ngửa, có ngang. Mành lưới Nhân-đà-la tức là mành lưới của trời Đế-thích. Lưới này có ngàn hạt châu, mỗi hạt châu chiếu sáng lẫn nhau, dụ cho thế giới lớp lớp vô tận.

“Hoặc đều là châu báu, như đàn cầm như trống, hình giống các loài hoa. Hoặc lìa ánh trời trăng, như vậy thủy vô lượng”. Đây cũng hỏi hình tướng thế giới khác nhau, hoặc do các báu tạo thành, hoặc hình tướng như đàn cầm, như trống, như hóa, hoặc không có mặt trời, mặt trăng chiếu soi nhờ đâu được sáng.

“Thế nào là hóa Phật? Thế nào báo sinh Phật? Thế nào như như Phật? Thế nào trí tuệ Phật?” Là hỏi thân Phật có các tên gọi khác nhau là vì sao? là thân ứng hóa của Phật, nghĩa là trăm ngàn ức hóa thân. Báo sinh Phật khác với báo thân, nghĩa là tùy căn cơ mà hóa hiện. Như như là pháp thân Phật, nghĩa là thể tánh như như không thay đổi. Trí tuệ Phật là tự báo thân Phật, nghĩa là tự mình tu nhân cảm quả, vì trí thi giác hợp với bản giác nên gọi là trí tuệ.

“Vì sao ở cõi Dục? Không thành Đẳng chánh giác? Vì sao sắc cứu cánh, lìa dục được Bồ-đề?” Hỏi Lô-xá-na báo thân Phật, không đắc đạo ở cõi Dục mà ở cõi Sắc Cứu Cánh đắc đạo là vì sao?

“Thiện thế vào Niết-bàn, ai người giữ chánh pháp. Hỏi sau khi Phật diệt độ ai là người truyền trì chánh pháp.

Thiên Sư trụ bao lâu? Chánh pháp trụ chừng nào? Là hỏi Phật trụ

thế và sau khi diệt độ, chánh pháp tồn tại trong thời gian dài ngắn thế nào. Thiên Sư tức là thầy trời người.

Tất-đàn cùng với kiến, mỗi loại có bao nhiêu? Hỏi cơ duyên được hóa độ và kiến giải. Tất-đàn là biến thí. Có bốn thứ: 1. Thế giới tất-đàn, thế giới là thứ lớp nghĩa là nghe nói pháp dần dần được vui mừng lợi ích. 2. Đối trị tất-đàn, nghĩa là nghe pháp tu hành đối trị nghiệp chướng đời trước được diệt nghiệp ác. 3. Vị nhân tất-đàn, nghĩa là nhờ nghe pháp nên được lợi ích, sinh điều lành. 4. Đệ nhất nghĩa tất-đàn, nghĩa là người nghe pháp nên được lợi ích, ngộ chân lý.

“Luật Tỳ-ni Tỳ-kheo, do nhân gì lập ra? Tỳ-ni là luật, là hỏi vì sao Phật đặt ra luật và Tăng trì luật. Kinh Nhập Lăng-già chép: Cớ sao lập Tỳ-ni và các Tỳ-kheo.

“Các Tối Thắng tử kia, Duyên giác và Thanh văn vì sao trăm biến dịch? Thế nào trăm vô thọ?” Hỏi chỗ sinh của hàng Nhị thừa. Biến dịch: là biến dịch sinh tử ở cõi phương tiện nhân quả đối đời. Vô thọ: nghĩa là nhập Niết-bàn vô dư không thọ đời sau.

“Sao gọi thế tục thông? Sao gọi xuất thế gian? Sao gọi đệ Địa thứ bảy? Cúi mong nói con nghe”. Là hỏi năm thần thông thế gian, đặc sáu thông xuất thế và trụ ở đệ Địa thứ bảy, danh từ đệ Địa thứ bảy đã giảng rõ.

“Tăng-già có mấy loại? Thế nào là hoại tăng?”. Hỏi tăng ba thừa và tăng phá giới. Tiếng Phạm là Tăng-già, Hán dịch là chúng, cũng dịch là hòa hợp.

“Sao gọi y phương luận? Đó do nhân duyên gì?”. Hỏi các luận y phương ở thế gian và xuất thế gian vì ai mà nói. Kinh Nhập Lăng-già chép: Tại sao vì chúng sinh nói rộng luận y phương.

“Cớ gì Đại Mâu-ni? Xướng nói những câu này: Đức Phật Ca-diếp, Câu-na-hàm, Câu-lưu-tôn là ta”: Hỏi vì sao Phật nói các Đức Phật quá khứ là ta, nghĩa này trong văn kinh quyển ba, quyển bốn giải thích rõ.

“Vì sao nói đoạn thường? Và cùng ngã, vô ngã? Vì sao không phải bất cứ lúc nào cũng giảng nói nghĩa chân thật, mà lại vì chúng sinh phân biệt nói tâm lượng”? Là hỏi Như lai sao không chỉ nói Đại thừa mà nói rộng các pháp khác.

“Sao có rừng nam nữ? Ha-lê, A-ma-lặc”. Là hỏi cây trái rừng rậm như nam nữ thế gian. Hai thứ trái Ha-lê, A-ma-la đều là loại trái ở Tây Vực mới có.

“Kê-la và Thiết vi, Kim cương thấy các núi, vô lượng báu trang nghiêm, thần tiên đều đầy đủ?”. Hỏi các núi và các báu trang nghiêm,

tiên nhân nhạc thần ở đây đầy đủ là vì sao? Vì Càn-thát-bà là nhạc thần của Thiên đế. Dưới đây là Thế tôn chấp nhận nghi vấn của Đại Tuệ và giải thích.

8. Đức Phật khen ngợi:

“Vô thượng Thế gian giải nghe Bồ-tát Đại Tuệ nói kệ thừa hỏi về các pháp môn cứu độ của Đại thừa và tâm các Đức Phật là bậc nhất liền khen lành thay! Lành thay lời hỏi, Đại Tuệ khéo lắng nghe, nay ta sẽ lần lượt đáp đúng như lời ông hỏi. “Kinh Nhập Lăng-già chép: Khi ấy, Đức Thế tôn nghe Bồ-tát nói tâm các Đức Phật tối thượng nhiệm mầu là pháp môn Đại thừa, liền bảo rằng: lành thay Nay Đại Tuệ! Lắng nghe, ta sẽ thứ lớp nói đúng như lời ông hỏi, liền nói kệ rằng: “Sinh cùng với bất sinh, Niết-bàn không sát-na, tiến đến không tự tánh”: Ở đây giải thích câu hỏi của Đại Tuệ, pháp hữu vi sinh, pháp vô vi bất sinh, các pháp Niết-bàn hư không sát-na trôi lăn, đều do vọng tưởng hiện ra, vốn không có tự tánh.

9. Đức Phật trả lời một trăm lẻ tám câu hỏi:

“Phật, các Ba-la-mật, Phật tử cùng Thanh văn, Duyên giác các ngoại đạo, cùng với Vô Sắc hành, các việc như thế đó”. Trên là hỏi người và pháp sở hành, pháp sở hành của ngoại đạo thuộc về hành Vô Sắc.

“Tu-di, biển cả, núi lớn, châu, đảo, cõi nước, đất”: Trên là nói các danh tướng vô tình trong cõi nước.

“Các sao và trời trăng, ngoại đạo, Trời, Tu-la, giải thoát, tự tại thông, lực, thiền, Tam-ma-đề, định và như ý túc, giác chi và đạo phẩm”. Hỏi danh tướng các pháp. Tam-ma-đề tức Tam-muội. Diệt tức vô thọ, như ý túc tức bốn như ý túc Dục, Niệm, Tấn, Tuệ. Giác chi tức là bảy Giác chi: Niệm, Trạch, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả. Đạo phẩm tức là nói chung ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

“Các thiền định vô lượng, các ấm thân qua lại, chánh thọ, diệt tận định, Tam-muội khởi tâm nói. Tâm ý và các thức, pháp vô ngã có năm, tự tánh tướng sở tướng, và hai chấp hiện tại”. Các thiền định thế gian, xuất thế gian, thiền định Tiểu thừa, Đại thừa. Các ấm thân sinh tử trong sáu đường. Chánh thọ tức Tam-muội. Diệt tận định là thọ tướng tâm diệt thân chứng định này. Tam-muội khởi tâm mà nói là từ định mà khởi, vận tâm nói pháp. Tự tâm ý và hai thứ chấp, gom chung là năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã.

“Thừa và các chủng tánh, vàng bạc ma-ni thấy, Nhất-xiển-đề đại chủng, hoang loạn và nhất Phật, trí, nhĩ-diệm đặc hương chúng sinh

hữu, vô hữu”. Thừa là ba thừa. Nhất-xiển-đề xem chú thích ở trước. Đại chúng là bốn đại chúng. Hoang loạn là cõi nước loạn lạc. Nhất Phật tức Phật Ca-diếp trước, Đẳng là ngã, Đắc hương giống như ma được dịp làm hại. Hữu vô hữu tức không hữu.

“Voi ngựa các cầm thú, vì sao bị bắt lấy: Ví nhân thành tất-đàn, cùng với tác, sở tác”: Ví là ví dụ. Nhân thành tức tương ứng. Tất-đàn là bốn Tất-đàn như trên đã giải thích. Tác, sở tác tức nghiệp năng tác, sở tác.

“Tòng lâm mê hoặc thông, tâm lượng chẳng hiện hữu, các địa không đến nhau, trăm biển trăm vô thọ, luận y phương, công xảo, kỹ thuật các minh xứ”. Danh tướng đều như trước giải thích. Như trên là tất cả câu hỏi của Đại Tuệ.

“Đất các núi Tu-di, lượng biển cả trời, trăng. Chúng sinh thượng, trung, hạ, thân đều như bụi nhỏ”. Từ đây đến lỗ chân lông, lông mày có bao nhiêu cọng, đều là Đức Phật hỏi ngược trở lại lời Đại Tuệ hỏi, số lượng độ không cùng khắp. Chúng sinh hạng thượng trung hạ chung trong mười cõi mà nói. Thân có bao nhiêu hạt bụi nhỏ, nghĩa là thân lượng cao thấp nặng nhẹ.

“Mỗi sát-na có bao nhiêu hạt bụi nhỏ, mỗi cung số có bao nhiêu, khuỷu tay, bước, câu-lô-xá, nửa do-diên, do-diên”. Sát là cõi nước, nghĩa là thế giới Đại thiên là một sát độ, hai thước là một khuỷu tay, bốn khuỷu tay là một cung, năm trăm cung là một câu-lô-xá, mười câu-lô-xá là một do-diên, do-diên tức do-tuần.

“Lông nhỏ, bụi qua cửa, lông dê, khoáng mạch trần”. Xưa chú giải rằng: Bảy hạt bụi nhỏ thành một hạt bụi qua cửa sổ, bảy hạt bụi qua cửa sổ thành một hạt bụi nhỏ như đầu lông thỏ, bảy hạt bụi nhỏ như đầu lông thỏ thành một hạt bụi nhỏ như đầu lông dê, bảy hạt bụi nhỏ như đầu lông dê thành một hạt bụi nhỏ như đầu lông trâu, bảy hạt bụi nhỏ như đầu lông trâu thành một con rệp, bảy con rệp thành một con rận, bảy con rận thành một hạt cải, bảy hạt cải thành hạt bắp. Khoáng tức là đại mạch.

“Bát-tha mấy khoáng mạch”, Bát-tha là nửa đấu, “A-la mấy khoáng mạch”, A-la là một đấu.

“Độc long Na-khư-lê! ” Độc long là một học, Na-khư-lê mười học.

“Lạc-xoa và Cử-lợi”. Lạc-xoa là một muôn, Cử-lợi là một ức.

“Cho đến tần-bà-la, mỗi số có bao nhiêu, tần-bà là một triệu.

“Có bao nhiêu a-nâu” là trần.

“Tên xá-lê-sa-bà” là hạt cải.

“Bao nhiêu xá-lê-sa-bà”, gọi là một lại đề, là hạt cỏ.

“Mấy lại đề thành ma-sa”, mấy hạt cỏ thành hạt đậu.

“Mấy ma-sa, đà-na”, gọi là thù.

“Lại bao nhiêu đà-na-la thành một ca-lê-sa-na” là lượng.

“Bao nhiêu ca-lê-sa-na hợp thành một ba-la?” Là cân.

“Những tướng chứa nhóm này bao nhiêu ba-la-Di-lâu?”. Di-lâu là núi Tu-di, nghĩa là bao nhiêu cân hạt bụi nhỏ có thể tạo thành núi Di-lâu. Kinh Nhập Lăng-già chép: Bao nhiêu cân thành núi Tu-di.

“Những thứ này là việc nên hỏi, sao lại hỏi việc khác? Thanh văn và Bích-chi-phật, Phật và các Bồ-tát, thân mỗi vị có bao nhiêu số? Vì sao không hỏi điều này?”. Nghĩa là vì sao không hỏi Phật và thân ba thừa mỗi thừa có bao nhiêu hạt bụi nhỏ.

“Ngọn lửa có mấy a-nâu? Phong a-nâu lại có mấy a-nâu” ý nói hỏa đại, phong đại mỗi đại có bao nhiêu số hạt bụi.

“Mỗi căn có bao nhiêu a-nâu (trần)? Bao nhiêu lỗ chân lông và cộng lông mày?”. Căn căn là nói sáu căn. Dưới đây là giải đáp câu hỏi của Đại Tuệ.

“Vua hộ tài tự tại. Vì sao gọi là vua.

“Vua Chuyển Luân Thánh đế, sao là vua thủ hộ?”. Thế nào là hộ quốc.

“Thế nào là giải thoát?” Người tu hành giải thoát này lại có bao nhiêu thứ.

“Nói rộng và nói câu, như lời ông đã hỏi”. Già-đà có bao nhiêu, tụng dài và câu ngắn, Kinh Lăng-già chép: Thế nào là câu văn xuôi.

“Chúng sinh các thứ dục”: Là Năm dục.

“Cùng các thứ ăn uống”, là ăn thịt, không ăn thịt.

“Thế nào là rừng nam nữ, núi Kim cương vững chắc, sao ví như huyễn mộng. Như nai đồng khát nước, sao có thiên tiên núi, Càn-thát-bà trang nghiêm”. Vô lượng báu trang nghiêm, tiên Càn-thát-bà đầy đầy.

“Giải thoát đến chỗ nào? Ai buộc ai giải thoát?” Hai câu này lời hỏi giống.

“Sao gọi cảnh giới thiên”. Những gì là cảnh giới thiên.

“Biến hóa và ngoại đạo”. Hóa tướng cõi nước và các ngoại đạo.

“Thế nào vô nhân tác? Thế nào hữu nhân tác, hữu nhân vô nhân tác, và phi hữu vô nhân”. Bốn câu này tại sao đều nói khác.

“Vì sao hiện đã diệt”? Kiến hoàn toàn trở lại.

Làm sao tịnh các giác? Vì sao các giác chuyển, và chuyển các sở tác? Vì sao tịnh niệm kia? Tại sao niệm thêm lớn.

“Làm sao dứt các tướng? Làm sao sinh Tam-muội? Phá ba cõi là ai? Ở đâu và thân gì?”. Phá ba cõi và thân ở chỗ nào.

“Vì sao không chúng sinh, mà nói có ta người. Thế nào thế tục nói. Cúi mong phân biệt rộng”. Đây nói không có chúng sinh và thế tục nói.

“Tướng đã hỏi ra sao? và chỗ hỏi phi ngã”. Lập ra tướng và nghĩa vô ngã.

“Làm sao thành Thai tạng? Và các thứ thân khác”. Là Thai tạng sinh và loại danh sắc.

“Thế nào chấp đoạn thường? Vì sao nói đoạn thường.”

“Tâm làm sao đặc định?” Thế nào là Tam-muội.

“Lời nói và các trí”, các ngữ ngôn và các trí.

“Giới chủng tánh Phật tử”, bao nhiêu giới tánh chúng sinh.

“Sao gọi thành và luận?” Thành có bao nhiêu thứ, vì sao gọi là luận?

“Sao gọi thầy, đệ tử?” Đệ tử có mấy hạng và A-xà-lê là gì.

“Các chủng loại chúng sinh, các thứ này thế nào? Nam, nữ và bất nam.

“Thế nào là ăn uống? Thông minh, ma, thi thiết?” Niệm thông minh, ma và bao nhiêu thi thiết lượng.

“Sao gọi cây, dây sắn?” Hỏi rừng rậm cây cỏ.

“Điều mà Tối thắng tử hỏi, thế nào các thứ cõi?” Hỏi thế nào là hình mặt trời, mặt trăng, cho đến vô lượng thứ như thế...

“Vị Tiên khổ hạnh lâu, thế nào là dòng họ?” Dòng họ Thích và dòng họ Cam-giá.

“Từ đâu sư thọ học? Dựng lập cho những người nào?

“Thế nào là xấu xa?” Hỏi vì sao thấp kém.

“Thế nào người tu hành?” Hỏi người tu hành tiến tới, lui sụt.

“Cõi Dục sao chẳng giác, thành A-ca-nị-tra”. Cõi Dục không thành Chánh Giác và trời sắc cứu cánh lìa Dục được Bồ-đề. A-ca-nị-tra là trời Sắc Cứu Cánh.

“Sao gọi tục thần thông?” là thần thông thế tục.

“Sao gọi là Tỳ-kheo?” Là hỏi phần Tỳ-ni Tỳ-kheo.

“Thế nào là hóa Phật? Thế nào là báo Phật? Thế nào như như Phật? Bình đẳng trí tuệ Phật”. Hỏi về thân Phật.

“Thế nào là chúng tăng? Phật tử hỏi như vậy”. Là hỏi tăng ba

thừa.

“Dây đàn, lưng trống, hoa, cối nước lia ánh sáng”. Là hỏi hình tướng cối nước.

“Tâm địa ấy có bảy”. Hỏi thế nào là Địa thứ bảy, Địa thứ bảy chính đã nói rõ ở địa, nghĩa là tư hoặc đã hết, tuệ tâm hiển bày cho nên gọi Tâm địa.

10. *Tổng kết nêu lên:*

“Chỗ hỏi đều như thật”. Tổng kết nêu lên ngài Đại Tuệ hỏi đều đúng như nghĩa thật.

“Đây và các thứ khác rất nhiều, Phật tử cần phải hỏi”. Tổng kết chỉ cho lỗi của Đại Tuệ.

“Mỗi mỗi tướng tương ứng, xa lia các lỗi thấy, tất-đàn lia nói năng, nay ta sẽ hiển bày, thứ lớp dựng lập câu”. Tổng kết đời trước đời sau, tức gồm chung các câu hỏi trên đều khế hợp lý lia lỗi. Dùng ngay bốn tất-đàn làm một trăm lẻ tám câu nói về dựng lập.

“Phật tử khéo lắng nghe”: Dạy lắng nghe lãnh thọ.

“Một trăm lẻ tám câu trên, như các Phật đã nói”: Một trăm lẻ tám câu pháp này gồm có năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã, pháp các Đức Phật nói không ngoài bốn thứ này. Dưới đây là tổng kết chỉ các câu, mỗi câu giúp cho người phá tình bỏ chấp, cho nên đều nói phi cú. Kinh Nhập Lăng-già chép: Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là một trăm lẻ tám câu? Phật dạy Đại Tuệ: đó là câu sinh là phi sinh...

11. *Cách trả lời một trăm lẻ tám câu của Phật trong kinh Nhập Lăng-già*

“Câu bất sinh là sinh, câu thường là vô thường”: Hợp lại nói câu sinh là phi sinh, đây nói câu bất sinh là sinh, là lời ngược lại. Nói chúng sinh ở trong cảnh chân như vô sinh, do vọng khởi mà sinh chấp pháp, vốn tự chẳng sinh cho nên nói câu phi sinh, nếu chấp pháp sinh tức là có thường do không có sinh cho nên nói phi thường.

“Câu tướng là vô tướng, câu trụ dị là phi trụ dị”: Chấp thường thì có tướng, phi thường thì vô tướng, do sinh mà có trụ do trụ mà có dị. Trụ là trụ ở thế gian, dị nghĩa là từ trẻ đến già tướng kia đổi khác. Hai câu trụ dị ở trước không có lời hỏi, vì hỏi tuy lược đáp nhưng phải rõ ràng.

“Câu sát-na chẳng phải câu sát-na, câu tự tánh lia câu tự tánh”. Lia tức là chẳng phải.

“Câu không là bất không, câu đoạn là bất đoạn, câu biên phi biên, câu trung phi trung”. Hai câu này không hỏi.

“Câu thường chẳng phải câu thường”. Trước nói câu thường là nói phàm phu đối với trụ chấp là thường. Ở đây nói câu thường là nói ngoại đạo chấp tánh bốn đại là thường.

“Câu duyên chẳng phải câu duyên, câu nhĩn chẳng phải câu nhĩn, câu phiến não chẳng phải câu phiến não, câu ái chẳng phải câu ái, câu phương tiện chẳng phải câu phương tiện”. Các câu này không hỏi.

“Câu xảo chẳng phải câu xảo, câu tịnh chẳng phải câu tịnh, câu thành chẳng phải câu thành, câu thí chẳng phải câu thí, câu đệ tử chẳng phải câu đệ tử, câu sư chẳng phải câu sư, câu chủng tánh chẳng phải câu chủng tánh, câu ba thừa chẳng phải câu ba thừa, câu sở hữu chẳng phải câu sở hữu, câu nguyện chẳng phải câu nguyện”. Các câu này không hỏi.

“Câu ba luân chẳng phải câu ba luân”. Câu này không hỏi, ba luân: là thân luân hiện thân thông, khẩu luân nói pháp, và ý luân quán xét căn cơ.

“Câu tướng phi tướng, câu hữu phẩm phi hữu phẩm, câu chung phi chung, câu duyên tự Thánh trí hiện pháp lạc phi hiện pháp lạc”. Kinh Nhập Lăng-già chép: Câu tự chứng Thánh trí chẳng phải câu tự chứng Thánh trí, câu hiện pháp lạc chẳng phải câu hiện pháp lạc.

“Câu cõi nước phi cõi nước, câu a-nâu phi a-nâu, câu thủy phi thủy, câu cung phi cung, câu thật phi thật, câu số phi số”. Số là số hạt bụi nhỏ.

“Câu số phi số”. Là số lượng thanh.

“Câu minh phi minh, câu hư không phi hư không, câu mây phi mây, câu công xảo kỹ thuật minh xứ phi công xảo kỹ thuật minh xứ, câu phong phi phong, câu địa phi địa, câu tâm phi tâm, câu thi thiết phi thi thiết, câu tự tánh phi tự tánh, câu ấm phi ấm, câu chúng sinh phi chúng sinh, câu tuệ phi tuệ, câu Niết-bàn phi Niết-bàn, câu sở tri phi sở tri, câu ngoại đạo phi ngoại đạo, câu hoang loạn phi hoang loạn, câu huyễn phi huyễn, câu mộng phi mộng, câu diệm phi diệm, câu tượng phi tượng, câu luân phi luân”. Kinh Lăng-già chép: Câu hỏa luân.

“Câu Càn-thát-bà phi Càn-thát-bà, câu thiên phi thiên, câu ẩm thực phi ẩm thực, câu dâm dục phi dâm dục, câu kiến phi kiến, câu Ba-la-mật phi Ba-la-mật, câu giới phi giới, câu trời trăng tinh tú phi trời trăng tinh tú, câu đế phi đế”. Nhắc lại Văn trên đúng như thật.

“Câu quả phi quả”. Câu này không hỏi.

“Câu diệt khởi phi diệt khởi”. Kinh Nhập Lăng-già nói: Câu diệt phi diệt, câu khởi phi khởi.

“Câu trị phi trị”. Kinh Nhập Lăng-già chép: Câu y phương phi y phương.

“Câu tướng phi tướng”. Lời đáp gồm có ba tướng: trước là thể tướng, kế là tiêu tướng, ở đây là pháp tướng.

“Câu chi phi chi”. Kinh Nhập Lăng-già chép: Câu chi phần nghĩa là chi hình phân đoạn.

“Câu xảo minh xứ phi xảo minh xứ, câu thiền phi thiền, câu mê phi mê, câu hiện phi hiện, câu hộ phi hộ, câu tộc phi tộc, câu tiên phi tiên, câu vương phi vương, câu nhiếp thọ phi nhiếp thọ”. Một câu này không hỏi.

“Câu thật phi thật, câu ký phi ký”. Một câu này không hỏi.

“Câu Nhất-xiển-đề phi Nhất-xiển-đề, câu nam nữ bất nam phi nam nữ bất nam, câu muội phi muội”. Một câu này không hỏi.

“Câu sự phi sự”. Một câu này không hỏi.

“Câu thân phi thân, câu giác phi giác, câu động phi động, câu căn phi căn, câu hữu vi phi hữu vi, câu vô vi phi vô vi, câu nhân quả phi nhân quả, ba câu này không hỏi.

“Câu Sắc Cứu Cánh phi Sắc Cứu Cánh, câu tiết phi tiết, câu rừng cây bìm sấn phi rừng cây bìm sấn, câu tạp phi tạp”. Một câu này không hỏi.

12. Đức Phật tổng kết:

“Câu thuyết phi thuyết, câu Tỳ-ni phi Tỳ-ni, câu Tỳ-kheo phi Tỳ-kheo, câu xứ phi xứ, câu tự phi tự. Này Đại Tuệ! Đó là một trăm lẻ tám câu, trước Phật đã nói, ông và các Đại Bồ-tát phải nên tu học.

13. Số câu của các bản dịch khác:

Xét bản chính văn đời Tống, chỉ có một trăm lẻ bốn câu, trong đó thêm bản dịch bốn quyển đời Đường mới đủ. Như từ câu hữu phẩm phi hữu phẩm trở xuống, bản dịch đời Đường là câu hữu phi câu hữu, câu vô phi câu vô. Lại nữa, câu duyên tự Thánh trí hiện pháp lạc phi câu hiện pháp lạc, bản dịch đời Đường chia làm hai câu. Lại, câu khởi diệt phi khởi diệt cũng chia thành hai câu. Lại nữa, từ câu thuyết phi thuyết trở xuống, bản dịch đời Đường lại có câu quyết định phi quyết định. Thêm bốn câu. Một trăm lẻ tám nghĩa này, vẫn có ba đoạn: ban đầu thì Đại Tuệ thưa hỏi, kế là Như lai giải thích, nhưng chỗ hỏi chỗ trả lời đều không thứ lớp, cho nên không thể dùng số chắc chắn khai hợp mà luận được, đến cuối cùng là kết thúc chỉ bày một trăm lẻ tám câu, mỗi câu rõ ràng, nhưng không nhiều không ít, số lượng đến đây, vì tiêu biểu đối lại một trăm lẻ tám phiền não có một trăm lẻ tám pháp môn,

là pháp ấy. Có sự có lý, có tánh có tu, có chân có vọng, có mê có ngộ, có giáo có hạnh, có nhân có quả, có thể có dụng, có tức có lia, có vong có chiếu. Đại ý của toàn kinh nêu lên ở đây. Đoạn văn dưới đây là hỏi riêng đáp riêng.

14. Bồ-tát Đại Tuệ thưa hỏi:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Các thức có mấy thứ sinh, trụ, diệt? Phật bảo Đại Tuệ: “Các thức có hai thứ sinh, trụ, diệt, chẳng thể suy lường mà biết được. Các thức có hai thứ sinh, đó là lưu chú sinh và tướng sinh. Có hai thứ trụ, là lưu chú trụ và tướng trụ. Có hai thứ diệt, là lưu chú diệt và tướng diệt”. Từ đây đến cuối văn hỏi đáp riêng năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã.

Ban đầu hỏi về các thức: Vì thức tức là tâm, tâm là gốc muôn pháp. Y theo thường đối lập các thức, nghĩa là thức thứ chín yêm-ma-la tức tịnh thức chân thường thanh tịnh thuộc Phật. Thức A-lại-da thức tám tức thức hàm tàng, thuộc Bồ-tát, thức A-đà-na thức bảy thức truyền thống, thuộc hàng Nhị thừa, thức phân biệt sự thứ sáu cũng gọi thức ba lăng thuộc phàm phu. Hoặc có người dịch không lập thức thứ chín, đó là đệ cửu thức, tên khác của thức thứ tám. Kinh này nói rõ các thức khác với bình thường. Y theo văn kinh ở sau cho rằng Như lai tạng gọi là thức tạng, năm thức và ý căn ý thức nhãn v.v... cộng chung là tám thức. Do các thức này y theo môn sinh diệt mà nói, cho nên hỏi có mấy thứ sinh, trụ, diệt? Đức Phật đáp có hai thứ sinh, trụ, diệt: chẳng thể suy lường mà biết được, nghĩa là chân như diệu tánh vốn bất sinh diệt. Sinh là nhân duyên sở sinh, trụ là dừng lại, dị là thay đổi, diệt là diệt hết. Đây không nói dị là do văn tóm lược! Nhưng tướng sinh diệt của các thức này chỉ có trí tuệ Phật mới hiểu rõ được, cho nên nói chẳng phải so lường mà biết được. Nói lưu chú sinh, trụ diệt, nghĩa là ở trong thức ấm niệm niệm nối nhau, như dòng nước chảy suốt không hề tạm dừng. Nói tướng của sinh, trụ diệt, nghĩa là tướng hiển hiện ra bên ngoài, căn cảnh đối nhau khởi sinh, trụ, diệt.

15. Ba tướng của các thức:

“Này Đại Tuệ! Các thức có ba tướng, đó là chuyển tướng, nghiệp tướng và chân tướng”. Chuyển tướng: Từ vô tử huân, biến giác thành bất giác. Nghiệp tướng: Vì bất giác cho nên động thì thành nghiệp. Chân tướng: Tùy duyên bất biến thể tánh chân tịnh. Theo luận khởi tín chép: Nghiệp tướng chuyển tướng hiện tướng, chính từ chân khởi vọng, vọng động thành nghiệp. Vì động cho nên càng thấy có cảnh giới thứ lớp phát hiện. Ở đây không nói hiện mà nói chân, vì nói thể tánh của

thức này tùy duyên bất biến nên gọi là Chân.

16. Nói lược, nói rộng:

Này “Đại Tuệ! Nói lược có ba thức, nói rộng có tám tướng. Ba thức ấy là chân thức, hiện thức và thức phân biệt sự. Này Đại Tuệ! Ví như gương sáng chiếu các sắc tượng, hiện thức ở trong ấy mà hiện cũng giống như vậy”

a. Lược: Các thức nói lược có ba thứ: a.1) Chân thức: tức Như lai tạng thức; a.2) Hiện thức: tức Như lai tạng sở chuyển, cũng gọi là thức tạng, gọi chuyển mà thể không chuyển; a.3) Thức phân biệt sự: tức ý căn ý thức và năm thức thân. Đây chia tạng thức thành hai, hợp sự thức thành một.

b. Rộng: Nói rộng có tám tướng: Y theo văn kinh sau, tức hợp chân thức, hiện thức trên thành một tạng thức; chia thức phân biệt sự trên thành bảy thức, đó là ý căn, ý thức, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức. Nhưng các thức này rộng lược khai hợp khác nhau, bởi do Như lai tạng là nhân lành, không lành, tùy duyên nhiễm tịnh huân biến khác nhau, chúng sinh từ vô thủy huân tập nghiệp ác, chỉ theo duyên nhiễm, Như lai tạng đổi tên thành Thức tạng, thứ lớp chuyển sinh các thức. Đây là toàn chân thành vọng, toàn lý thành sự. Nếu tùy theo tịnh duyên liễu đạt các thức đều là chân trí thì Như lai tạng không còn đổi tên, cho nên ngay nơi sự là lý, bỏ vọng về chân. Gương sáng dụ cho hiện thức, vì hiện thức có công năng sinh ra nguồn gốc các pháp, gây nhân cảm quả, như gương soi chiếu các vật không khác nhau.

17. Nói về hai thức:

Này “Đại Tuệ! Hiện thức và thức phân biệt sự, hai thức này tương hoại và chẳng hoại lẫn lượt làm nhân lẫn nhau”. Hiện thức chứa đựng hạt giống thiện ác không mất, cho nên gọi là bất hoại. Sự thức dùng căn đối cảnh, khởi tâm thương ghét, niệm niệm sinh diệt cho nên gọi là hoại. Nhưng hai thức này tuy hoại, bất hoại khác nhau nhưng lẫn lượt làm nhân, cho nhau chẳng phải khác chẳng phải không khác.

Này “Đại Tuệ! Bất tư nghị huân và bất tư nghị biến là nhân của hiện thức”. Huân là xông ướp. Biến là biến chuyển. Nói bất tư nghị huân, là toàn chân thành vọng, nói bất tư nghị biến là toàn lý thành sự, chân vọng không hai, sự lý một thể, không huân mà huân, không biến mà biến, tâm không thể suy lường miệng không thể bàn luận, huân biến như vậy thành nhân của hiện thức.

Này “Đại Tuệ! Nhận lấy các trần cảnh và vọng tưởng huân tập từ vô thủy làm nhân của thức phân biệt sự”. Các trần là sáu trần. Chấp:

là sáu căn chấp lấy sáu trần mà khởi ái kiến. Vọng tưởng huân tập từ vô thủy, là từ vô thủy đến nay khởi vọng tưởng ái kiến này huân thành sự thức, đó gọi là Nhân.

Này “Đại Tuệ! Nếu trở về chân thức kia thì các thứ không thật, các thứ luống dối ấy đều diệt thì tất cả căn thức cũng diệt, gọi là tướng diệt”. Phúc là trở lại, nghĩa là nếu phản chiếu được chân thức thì tất cả vọng tưởng ái kiến tự nhiên tiêu diệt, vọng tưởng năng huân đã diệt thì căn thức sở huân cũng mất, đó gọi là tướng diệt.

18. Nói về sở duyên:

Này “Đại Tuệ! Vì nối nhau diệt là sở nhân nối nhau diệt, cho nên nối nhau diệt. Sở từng diệt và sở duyên diệt nên nối nhau diệt. Này Đại Tuệ! Vì sao? Vì là sở duyên. Nương là vọng tưởng từ vô thủy. Huân duyên là thức cảnh vọng tưởng từ tự tâm hiện khởi. Nối nhau diệt: là lưu chú diệt. Sự nối nhau của thức là có nhân duyên, nếu nhân duyên diệt thì thức nối nhau diệt. Nhân là vọng tưởng từ vô thủy, duyên là tự tâm hiện cảnh giới phân biệt. Vọng tưởng vô thủy là vô minh căn bản.

Này Đại Tuệ! Ví như khối đất và hạt bụi, chẳng khác, chẳng phải không khác; vàng và các món trang sức cũng giống như vậy. Này Đại Tuệ! Nếu khối đất và hạt bụi khác nhau thì khối đất không phải do hạt bụi hợp thành, nay khối đất thật sự do hạt bụi hợp thành, cho nên chẳng phải khác. Nếu chẳng phải chẳng khác thì khối đất và hạt bụi không nên phân biệt khác nhau. Đây là ví dụ rõ chuyển thức và tạng thức chẳng phải khác chẳng phải không khác, chính là nói chân tướng của tàng thức chẳng diệt, đó là cương yếu của kinh này. Cái gọi là Phật tâm ngữ chính là ở đây. Khối đất dụ cho chuyển thức, hạt bụi dụ cho tạng thức. Tạng thức là chân, chuyển thức là vọng. Khối đất nhân hạt bụi hợp thành, thể kia là một cho nên không thể nói khác. Nếu khối đất và hạt bụi chắc chắn là một thì không còn phân biệt khác nhau. Không thể nói không khác, là ví dụ từ chân khởi vọng, vọng diệt chân hiện. Vàng và các thứ trang sức, dụ kia cũng giống như vậy. Sau mới hợp pháp.

19. Nói pháp chẳng phải một chẳng phải khác:

“Cũng vậy, này Đại Tuệ! Nếu chuyển thức và chân tướng của tạng thức khác nhau thì tàng thức không phải nhân. Nếu không khác thì chuyển thức diệt tàng thức cũng phải diệt, nhưng tự chân tướng thật sự chẳng diệt”. Đây nói rõ pháp chẳng phải một, chẳng phải khác, nghĩa là nếu các chuyển thức và tạng thức khác nhau thì khi gió vô minh kia huân động, thể của tạng thức lẽ ra không theo duyên, đó là rơi vào chấp thường, nhưng tàng thức là nhân lành không lành chẳng phải không

theo duyên. Nếu không khác nhau thì khi chuyển thức diệt, tàng thức lẽ ra cũng diệt, đó là rơi vào chấp đoạn, nhưng chân tướng của tàng thức không bao giờ diệt, vì tự tánh thanh tịnh tâm của chúng sinh do gió vô minh làm động, tâm và vô minh đều không hình tướng, không có tướng lìa bỏ, mà tâm chẳng phải tánh động. Nếu vô minh diệt thì thức cũng nối nhau diệt, nhưng trí tánh không hoại.

20. Chân vọng diệt không diệt:

“Cho nên Nay Đại Tuệ! Chẳng phải tự chân tướng thức diệt mà chỉ là nghiệp tướng diệt. Nếu tự chân tướng thức diệt thì tàng thức diệt. Nay Đại Tuệ! Nếu tàng thức diệt thì chẳng khác luận nghi chấp đoạn” của ngoại đạo, ở đây nói lý do chân vọng diệt, không diệt, ở trên ý nói chuyển thức diệt, tàng thức không diệt, đã nêu rõ chẳng khác, chẳng phải không khác, vẫn sợ Đại Tuệ chưa thấu đạt ý sâu, nên lại bảo rằng: Chân tướng không diệt, chỉ có nghiệp tướng diệt, vì chân là tánh bất kiến, vốn lìa sinh diệt, nghiệp là tướng vô minh luống dối cho nên có sinh diệt. Đã bỏ vọng về chân thì vọng diệt mà chân không diệt. Nếu chân có diệt thì đâu khác luận nghi chấp đoạn của ngoại đạo. Luận nghị tức lời nói vô nghĩa, nghĩa là ngôn giáo của ngoại đạo không thật.

21. Luận thuyết của ngoại đạo:

Này “Đại Tuệ! Các ngoại đạo kia luận như vậy: cảnh giới nhiếp thọ diệt thì thức lưu chú cũng diệt. Nếu thức lưu chú diệt thì lưu chú từ vô thủy lẽ ra cũng dứt mất. Nay Đại Tuệ! Ngoại đạo nói lưu chú sinh nhân chẳng phải do nhân thức, sắc, ánh sáng nhóm hợp mà sinh, mà có các nguyên nhân khác. Nay Đại Tuệ! Về nhân kia nói rằng hoặc là thắng diệu, hoặc là sĩ phu, hoặc tự tại, hoặc thời, hoặc bụi nhỏ”. Luận ngoại đạo không ra ngoài hai kiến chấp đoạn, thường. Cái gọi là cảnh giới nhiếp thọ diệt thì thức lưu chú cũng diệt, đây là chấp đoạn. Cảnh giới nhiếp thọ là trần cảnh mà tâm thức chấp lấy. Nội giáo cho rằng lưu chú diệt là nói tướng ấy diệt, nhưng tánh không hề diệt, ngoại đạo nói diệt là đoạn diệt, đâu biết thức tánh lưu chú vượt ngoài tạng thức từ vô thủy ấy. Kia lại nói: trôi chảy làm sinh nhân, chẳng phải do bốn duyên nhân thức, sắc, và ánh sáng hòa hợp mà sinh, mà có riêng nhân khác. Nhân khác, hoặc thắng diệu tức là thắng tánh, sinh này làm chủ cõi trời Phạm thiên, hoặc sĩ phu cũng gọi là trượng phu, tức là một trong mười sáu tri kiến, tên khác của thần Ngã. Tự tại, nghĩa là trời Đại tự tại và chấp thời tiết, bụi nhỏ, v.v... Là năng sinh, sinh nhân mà ngoại đạo chấp đều là loại này.

22. Có bảy chủng tánh tự tánh:

“Lại nữa, này Đại Tuệ! Có bảy chủng tánh tự, đó là: Tập tánh tự tánh, tự tánh tánh, tướng tánh tự tánh, đại chủng tánh tự tánh, nhân tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh và thành tánh tự tánh.

Đây là danh nghĩa bảy thứ tự tánh. Nếu y cứ theo sự giải thích sai lầm thì phạm chẳng phải Thánh, sợ chẳng phải ý kinh, như đoạn văn dưới nói. Đây là tánh tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm của các Đức Phật ba đời. Lại nói rằng: phạm phu không có tánh tự tánh, chẳng lẽ không tánh nghĩa là Thánh chẳng phải phạm ư! Cho nên phải y theo Thánh để giải thích. Trong bảy thứ tánh, sáu thứ trước không ra ngoài nhân quả, nói tập tánh tự tánh tức muôn điều lành chứa nhóm làm nhân, do tập nhân cho nên có tánh có tướng, tánh bên trong còn tướng bên ngoài. Đại chủng tự tánh, nghĩa là quả của bốn đại chủng. Đại chủng vốn có cả phạm lẫn Thánh. Ở đây y theo Thánh báo, cái gọi là sắc là thường, v.v... Thường: là chân thường, tức quả của năm ấm pháp tánh, cho nên có nhân có duyên, nhân thân mà duyên sơ. Do nhân quả hợp thành, thành là thành tự tánh, tức là Đệ nhất nghĩa tâm ở văn sau.

23. Có bảy thứ Đệ nhất nghĩa:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Có bảy thứ Đệ nhất nghĩa. Tức là Tâm cảnh giới, Tuệ cảnh giới, Trí cảnh giới, Kiên cảnh giới, siêu nhị kiến cảnh giới, siêu tử địa cảnh giới và Như lai tự đáo cảnh giới”.

Nói cảnh giới, Kinh Nhập Lăng-già chép: sở hành tức là cảnh giới sở hành, nhưng có chia ra chung riêng khác nhau. Sáu thứ trước Bồ-tát và Phật, Tự đáo cảnh giới thứ bảy chỉ nói về Phật, Tâm cảnh giới, tức Đệ nhất nghĩa xứ do tâm tạo ra, tâm có công năng phát tuệ, năng lực của tuệ đã cao siêu thì thành trí dụng, trí dụng đã thành thì chánh kiến hiện ra, chánh kiến hiện ra thì vượt khỏi hai kiến chấp đoạn thường, cho đến vượt khỏi cảnh giới Bồ-tát, đến Như lai tự đáo cảnh giới.

24. Phật tổng kết:

Này “Đại Tuệ! Đây là tánh tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm của Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại”. Đây là tổng kết tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm, là sở chứng của Phật”.

“Do tánh tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm mà thành tựu được pháp thế gian, xuất thế gian và xuất thế gian thượng thượng của Như lai”. Dưới đây là nói về Như lai nương tự tánh Đệ nhất nghĩa mà thành tựu đức dụng tự hành hóa tha. Thành tựu thế gian là nêu đồng người pháp mà hóa tha. Pháp xuất thế gian có cả hàng ba thừa. Pháp xuất thế gian thượng thượng chỉ có Phật và Phật mới rốt ráo.

“Thánh tuệ nhập vào tự tướng cộng tướng dựng lập, như chỗ dựng

lập không đồng với ác kiến luận của ngoại đạo”. Thánh tuệ nhân là Phật biết, Phật thấy. Tự tướng là pháp tự chứng, cộng tướng là pháp hóa tha. Do tự ngộ nhập tri kiến Phật mà lập ra các thứ pháp môn, giúp cho các chúng sinh nương pháp tu hành cũng đều ngộ nhập tri kiến Phật. Nhưng chỗ lập ra pháp môn đều là toàn thể khởi dụng, cho nên khác với tà kiến nói suông của ngoại đạo.

25. *Luận ác kiến của ngoại đạo:*

Này “Đại Tuệ! Thế nào gọi là đồng với luận ác kiến của ngoại đạo, nghĩa là tự cảnh giới do vọng tưởng mà thấy, không biết do tự tâm hiện, bờ mé không thông”. Ngoại đạo tu hành cũng phát tà tuệ, cảnh giới họ thấy không biết do tâm phát hiện, vọng tự phân biệt có không, ý nói do vọng tưởng mà thấy. Nói bờ mé không thông, nghĩa là tướng cảnh giới hiện ra không thể thông đạt.

Này “Đại Tuệ! Phàm phu ngu si đối với tánh, vô tánh, tự tánh, Đệ nhất nghĩa khởi luận nhị kiến”. Phàm phu đối vô tánh, tự tánh, Đệ nhất nghĩa, mê muội không biết rằng chẳng thật là không. Vì mê nên đối với tánh Đệ nhất nghĩa chẳng phải có, chẳng phải không này khởi hai chấp hý luận có không.

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Vọng tưởng trong ba cõi khổ được diệt mà không biết đó là duyên diệt ái nghiệp; huyễn cảnh tự tâm sở hiện do tùy theo cái thấy, theo đó mà hiện, nay sẽ nói”. Ba hữu là cõi dục, cõi sắc, cõi Vô Sắc. Nói hữu: là sinh tử không mất. Khổ: tức là sinh tử khổ. Vô tri là vô minh, Ái là tư hoặc, Nghiệp duyên là nghiệp duyên thiện ác, đây là nghiệp duyên sinh tử phiền não, tức là khổ hoặc, nghiệp trong ba đường, đều do tự tâm hiện ra cảnh hư huyễn. Nếu liễu đạt được như huyễn thì các cảnh tự diệt. Như Kinh Nhập Lăng-già chép: Nếu biết cảnh như huyễn do tự tâm hiện thì dứt vọng tưởng ba cõi khổ và, nghiệp, duyên ái vô tri.

26. *Nói về hai chúng khởi lên nhận thức sai lầm:*

Này “Đại Tuệ! Nếu có Sa-môn Bà-la-môn muốn làm cho nhân quả vô chủng, hữu chủng hiện ra và sự thời trụ, duyên ấm, giới, nhập mà sinh khởi và an trụ, hoặc nói sinh rồi diệt”. Sa-môn Hán dịch là cần tức, nghĩa là siêng năng tu tập các điều lành, dứt các điều ác. Bà-la-môn, Hán dịch là Tịnh hành. Đoạn này nói hai chúng khởi lên nhận thức sai lầm về Có Không, đồng với ngoại đạo. Vô chủng: là chấp tánh tự nhiên. Hữu chủng: là chấp thân này từ hạt bụi sinh, từ thế tánh sinh, lấy đây làm nhân muốn cho thành quả, nên nói là nhân quả hiện. Và chấp y sự vật thời tiết mà trụ, hoặc duyên năm ấm, mười tám giới, mười hai

nhập... sở sinh mà trụ, đây là chấp thường. Hoặc nói sinh rồi liền diệt, đây là chấp đoạn.

Này “Đại Tuệ! Kia hoặc nối nhau, hoặc sự, hoặc sinh, hoặc hữu, hoặc Niết-bàn, hoặc đạo, hoặc nghiệp, hoặc quả, hoặc đế, đều thuộc phá hoại đoạn diệt luận. Vì sao? vì những điều này hiện ra không thật có và chẳng có kiến phần thì phần”. Nếu nối nhau nghĩa là nhân quả nối nhau, hoặc sự, nghĩa là sự vật, hoặc sinh, là ấm, giới, nhập... sinh, hoặc hữu, như các pháp thật ở trên, Là có: tức là hiển bày các pháp Niết-bàn v.v... Pháp Bốn đế đều là không. Và trở thành phá hoại đoạn diệt luận. Vả lại, Niết-bàn và đạo là pháp xuất thế gian. Hoặc nghiệp duyên, hoặc khổ quả là pháp thế gian. Đây nói bốn đế là pháp môn chân tục do Phật nói. Kia cho là không, thành luận thuyết đoạn diệt. Lại nêu giải thích nghĩa kia rằng: Do pháp bốn đế này hiện ra mà kia đều cho là thật có, đối với chỗ trước tiên khởi ngã chấp, chấp có chấp không đều là tà kiến, chẳng phải là phần chánh nhân giải thoát.

27. Nêu ví dụ để nói về chấp đoạn của ngoại đạo:

Này “Đại Tuệ! Thí như cái bình bể không thể làm được việc của cái bình, cũng như hạt giống bị cháy không thể làm được việc nảy mầm”. Lập hai ví dụ này để nói về chấp đoạn của ngoại đạo, ban đầu dụ không có quả, không quả thì không nhân, kể là dụ không nhân, không nhân thì không quả.

“Như vậy, Này Đại Tuệ! Nếu tánh ấm, giới, nhập đã diệt, đang diệt và sẽ diệt, tự tâm vọng tưởng thấy là vô nhân”. Kia bất sinh theo thứ lớp, nếu nói rằng năm ấm, mười tám giới, mười hai nhập đã diệt, vậy thì không nhân, nay diệt thì không quả, sẽ diệt thì lại không nhân; do đó mà suy đều là tự tâm vọng tưởng hiện, nhân đã không thì không có thứ lớp nối nhau sinh.

28. Phá chuyển chấp của ngoại đạo:

Này “Đại Tuệ! Nếu lại nói vô chủng hữu chủng, thức ba duyên hợp mà sinh thì rùa lẽ ra phải mọc lông, cát nên ép ra dầu. Tông chỉ của người chấp sẽ phải bị hoại, vì trái với nghĩa quyết định, thuyết hữu chủng, vô chủng có lỗi như vậy, nếu có làm được sự nghiệp gì thấy đều là không, là vô nghĩa”. Đây nhiều lớp phá chuyển chấp của ngoại đạo, trên chỉ chấp có, chấp không, là nhân sinh pháp đã bị bác bỏ. Nếu còn chấp có chấp không và thức ba duyên hòa hợp mà sinh thì cũng không có việc đó, cho nên nói ví dụ để hiểu. Rùa đã không thể mọc lông, cát cũng không thể ép ra dầu thì rơi vào nghĩa chấp, cho nên tông ông sẽ bị hoại vì trái với nghĩa quyết định của Đại thừa. Chấp của ngoại đạo lấy

hai chấp có và chấp, không làm gốc, cho nên bác bỏ chung nói có lỗi như vậy, đã không có gốc kia thì sự nghiệp nhân quả tạo ra đều không thật nghĩa.

29. Nói ba duyên làm nhân năng sinh:

Này “Đại Tuệ! Các ngoại đạo kia nói có ba duyên hòa hợp sinh, đó là sở tác phước thiện, tự tướng và nhân quả, quá khứ hiện tại vị lai, tướng hữu chủng vô chủng từ xưa đến nay đã thành việc, truyền thừa cho nhau giác tướng địa chuyển, tự thấy thói quen sai lầm, nên nói như thế”. Trên chỉ nói ba duyên kia làm nhân năng sinh, chưa nói việc tạo tác. Tạo việc gì? Hoặc phước thiện, hoặc nhân quả, hoặc tướng chung ở cả ba đời. Phước thiện là giáo pháp ngoại đạo. Nhân quả là nhân quả sở tu nương vào giáo kia. Tự tướng là tướng tự tâm hiện ra. Việc ba đời này đừng là nói gần. Nếu xét về nguồn gốc thì tướng của hai thứ Hữu, Vô nối nhau từ giác tướng địa chuyển. Cái gọi là trước tám muôn kiếp, từ nơi chỗ ban đầu tối tăm sinh ra Giác, Giác sinh tánh, Tánh sinh địa, dần dần chuyển sinh hai mươi lăm đế, đều từ các lỗi tà kiến của mình mà huân tập các thói quen khác nên nói như vậy.

“Cho nên Này Đại Tuệ! Phạm phu ngu si bị ác kiến làm hại, vô trí tà vạy si mê, vọng cho là bậc nhất thiết trí nói”. Phạm phu ngu si cũng là ngoại đạo, do chấp ác kiến tà kiến mê muội không biết, tự cho là có trí lập giáo dạy người, vì thế vọng cho là bậc Nhất thiết trí nói.

30. Nói về Phật giáo chánh thuyết:

Này “Đại Tuệ! Nếu lại có các Sa-môn, Bà-la-môn khác thấy mây bay, vòng lửa, thành Càn-thát-bà, bất sinh huyễn, sóng nắng, trăng đáy nước, mộng lia tự tánh, đó là vọng tưởng hiện khởi ở trong và ngoài tâm, luống dối từ vô thí, không lia tự tâm. Nhân duyên vọng tưởng diệt hết thì lia vọng tưởng năng thuyết sở thuyết, năng quán sở quán, thọ dụng, lập ra thân đều là tàng thức. Đối với cảnh giới thức thì năng nhiếp thọ và sở nhiếp thọ đều chẳng tương ưng. Không có cảnh giới nào lia sinh trụ diệt, tự tâm sinh khởi chạy theo phân biệt”. Ở đây nói Phật giáo chánh thuyết tức là huyễn cảnh do thuyết trước hiện khởi. Kiến lia tự tánh nghĩa là thấy tất cả pháp đều lia tự sinh tánh chấp, cũng lia tha sinh, cộng sinh, vô nhân sinh tánh chấp. Ở đây nói lược chung về tự tánh, do lia tánh chấp cho nên vô sinh. Thí như mây bay trong hư không, như vòng lửa xoay tròn, như thành Càn-thát-bà, như huyễn, như sóng nắng, trăng đáy nước, như mộng thấy, cùng với huyễn cảnh là một. Nếu thông đạt huyễn cảnh này vốn không trong ngoài, thấy có trong ngoài, nhưng do vọng tưởng luống dối từ vô thí tạo thành, không lia tự tâm,

tự tâm tánh lìa, cho nên nhân duyên vọng tưởng diệt hết, đây là vọng tưởng khổ quả trong ba cõi diệt. Và năng thuyết sở thuyết, năng quán sở quán, cho đến tầng thức thọ dụng lập ra thân tất cả đều lìa lời nói đối với thức cảnh giới nhiếp thọ, cảnh giới tức sáu trần, nhiếp thọ tức sáu căn. Nói sở nhiếp thọ tức sáu thức. Nói không tương ứng, là do biết cảnh giới vắng lặng cho nên không đối đãi, đâu còn có sinh trụ diệt, nhưng về sau tầng thức tự tâm sinh khởi, chạy theo tất cả cảnh giới, do chánh trí phân biệt nên tạo ra tất cả.

31. Nói về Bồ-tát tự chứng:

Này “Đại Tuệ! Bồ-tát kia chẳng bao lâu sẽ thấy được sinh tử, Niết-bàn bình đẳng, phương tiện khéo léo đại bi, phương tiện vô khai phát. Này Đại Tuệ! Kia thấy tất cả thế giới chúng sinh thấy đều như huyễn, chẳng cần nhân duyên, xa lìa cảnh giới trong ngoài, ngoài tâm không thấy gì, theo thứ lớp mà vào chỗ vô tướng, lần lượt bước lên từ địa này cho đến địa khác, là cảnh giới Tam-muội”. Pháp giới bình đẳng vốn bất sinh, diệt, mê là sinh tử, ngộ là Niết-bàn, mê ngộ tuy khác mà lý thường bình đẳng. Bồ-tát tu hành từ thấp đến cao, cho nên nói không bao lâu sẽ được sinh tử, Niết-bàn bình đẳng, đây là tự chứng. Tự chứng lý rồi, thì khởi dụng hóa tha, vận tâm đại bi, lập ra phương tiện khéo léo dẫn dắt chúng sinh, dạy cho họ tu hạnh vô tác, khai phát bốn tánh. Nói phương tiện không khai phát tức là hạnh vô công dụng, lý tuy mỗi người vốn đầy đủ nhưng chẳng có hạnh vô công dụng này thì tự hành hóa tha đều không thành tựu. Bồ-tát kia đã đạt được lý này thì hiểu rõ tất cả chúng sinh đều như huyễn hóa, không nhọc phải tác ý, xa lìa các tướng cảnh giới trong ngoài một cách tự nhiên, chỉ một chân tâm, hoàn toàn không còn thấy gì khác, đó gọi là vào chỗ vô tướng, chỗ vô tướng tức là chỗ sơ trụ, phá vô minh, hiển bày pháp tánh, thứ lớp nhập hành hưởng địa. Từ địa này đến địa khác tức là từ địa thứ nhất đến địa thứ mười.

32. Nói chuyển thân đắc Như lai:

“Hiểu ba cõi như huyễn, phân biệt quán sát sẽ được Tam-muội như huyễn, vượt qua cảnh giới tự tâm, hiện vô sở hữu, được an trụ Bát-nhã Ba-la-mật. Lìa bỏ phương tiện sở tác từ kia sinh ra, vào Tam-ma-đề Kim cương dụ, theo vào thân Như lai, theo vào như như hóa, thần thông tự tại, từ bi phương tiện đầy đủ trang nghiêm, bình đẳng vào tất cả cõi Phật, vào chỗ ngoại đạo, lìa tâm ý, ý thức. Bồ-tát này thứ lớp chuyển thân liền được thân Như lai”. Trên nói rõ thế giới chúng sinh như huyễn thì biết ngoài tâm không có pháp, đến đây lại biết ba cõi như huyễn, đắc Tam-muội Như huyễn, vượt qua cảnh giới tự tâm hiện, không còn

có các tướng và được an trụ trí tuệ bờ bên kia. Nói lia bỏ phương tiện sở tác do kia sinh ra là lia sở tác hữu sinh mà được phương tiện vô sinh vô tác. Kim Cương dụ là nói Bồ-tát Đăng giác dùng trí Phật dứt trừ vô minh nhỏ nhiệm sau cùng, dứt bỏ được cái khó dứt bỏ. Vì kim cương là vật rất cứng rất sắc dụ cho trí Phật. Tam-ma-đề, Hán dịch là Đăng trì, tức là thứ định chứng được sau tâm Kim cương, từ định này chuyển vào Phật địa. Như như là lý bản giác, thường an trụ lý này mà khởi các sự biến hóa, sẽ được thần thông tự tại, phương tiện từ bi đầy đủ trang nghiêm. Nói vào tất cả cõi Phật là vào cảnh giới Phật. Nói vào chỗ ngoại đạo là vào cảnh giới ma. Do có khả năng rốt ráo lia tâm ý, ý thức, được trí vô phân biệt gọi là Tam-muội sắc thân cùng khắp. Nói chuyển thân đặc Như lai đây là tổng kết quả vị mà Bồ-tát tu chứng.

33. Phải nên tu học nghĩa bốn tất cả:

Này “Đại Tuệ! Cho nên muốn được vào thân của Như lai thì phải xa lia vọng tâm phân biệt ấm, giới, nhập, xa lia vọng tưởng phân biệt các pháp sinh, trụ, diệt do nhân duyên hòa hợp tạo ra. Tâm thẳng một đường mà quán sát, lỗi luống dối từ vô thỉ, thói quen vọng tưởng là nhân của ba cõi, suy nghĩ không thật có, được Phật địa vô sinh, đến con đường Thánh tự giác, tự tâm tự tại, đến hạnh vô khai phát, như tùy ngọc ma-ni, có nhiều các màu sắc, tùy nhập tâm nhỏ nhiệm của chúng sinh mà dùng hóa thân tùy tâm độ lượng. Các địa thứ lớp nối nhau dựng lập. Cho nên Này Đại Tuệ! Tự tất-đàn, phải khéo tu học”. Nói muốn được thân Như lai thì phải nương vào quả mình tu chứng mà tu nhân hạnh, phải xả bỏ vọng tâm về năm, mười tám giới, mười hai xứ và các pháp sinh trụ diệt luống dối do nhân duyên hòa hợp sinh ra. Nói chỉ do tâm thẳng tiến quán sát, nghĩa là quán các pháp duy tâm, không bước vào đường khác. Quán thẳng một niệm ba đường vốn không thật có. Nói lỗi luống dối là đường phiền não. Nói nhân thói quen là nghiệp đạo. Nói ba cõi là đường khổ. Đối với các vấn đề này, tư duy thấy rõ hoàn toàn không có một pháp thì kế hợp Phật địa vô sinh, đến cảnh giới của bậc Thánh thú tự giác, đã được tự tâm vô nhập mà không tự tại, cho nên nói đến hạnh vô khai phát, tức hạnh vô công dụng. Bồ-tát đạt đến giai vị này tùy căn cơ mà ứng hiện, như ngọc ma-ni tùy theo màu mà sắc thay đổi. Dùng trí nhỏ nhiệm nhập vào tâm nhỏ nhiệm của chúng sinh, tùy tâm lượng kia mà nói vô lượng pháp môn độ sinh, giúp chúng sinh được độ kia cũng từ các địa, dần dần thứ lớp nối nhau lập ra pháp môn. Bồ-tát độ sinh khuyến khích điều lành đối với bốn tất-đàn, cho nên tổng kết khuyên rằng phải nên tu học nghĩa bốn tất-đàn, nghĩa bốn tất-đàn

đã chú thích ở trước.

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: bạch Đức Thế tôn! Đức Thế tôn nói tâm, ý, ý thức, năm pháp, tự tánh tướng, việc sở hành của tất cả các Đức Phật Bồ-tát do tự tâm biến hiện cùng với cảnh giới sở duyên chẳng hòa hợp, hiển bày tất cả thuyết, thành tướng chân thật, tất cả Phật ngữ tâm. Vì các Đại Bồ-tát ở trên núi Ma-la-da nằm trong biển thuộc nước Lăng-già nói Như lai khen ngợi biển sóng tàng thức cảnh giới pháp thân”. Từ Đức Thế tôn nói tâm, ý, ý thức, đến tất cả Phật ngữ tâm, là do Đại Tuệ nói lại pháp đã được nghe. Là sở hành của các Đức Phật, Bồ-tát, nhưng không lìa cảnh giới tự tâm của chúng sinh. Nói không hòa hợp là không hòa hợp với căn trần. Vì năm pháp ba tự tánh các pháp, mê ngộ đều do chân vọng đồng có mà thành ra sự khác nhau giữa hòa hợp và không hòa hợp. Hòa hợp là vọng thức, không hòa hợp là chân trí. Đã không hòa hợp thì điều đó nói lên tất cả những gì được nói đều là tướng chân thật, tức là điểm quan trọng của chư Phật giáo tâm. Đã nói điều được nghe rồi lại khởi thỉnh, cúi mong vì các Bồ-tát mà giảng nói pháp mà trước kia Như lai khen ngợi. Nói biển sóng tàng thức tức là thức thứ tám, thức này dung chứa các pháp thiện ác tùy duyên nhiễm tịnh, như biển dậy sóng, cảnh giới pháp thân chân lý rõ ráo của Như lai.

34. Phật nói về chuyển thức nương tàng thức sinh:

“Khi ấy, Đức Thế tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ: Vì có bốn nhân duyên nên nhãn thức chuyển. Bốn nhân duyên ấy là: 1. Tự tâm hiện nhiếp thọ; 2. Bất giác vô thỉ hư ngụy quá sắc tập khí; 3. Chấp đấm thức tánh tự tánh. 4. Muốn thấy các thứ sắc tướng. Nay Đại Tuệ! Đó gọi là bốn thứ nhân duyên, dòng nước tàng thức và sóng chuyển thức sinh”. Ở đây đáp câu hỏi trên. Trước nói bốn duyên như nhãn... nói về chuyển thức nương tàng thức sinh. Cái gọi là bốn duyên, đó là căn duyên, sắc duyên, thức duyên và dục kiến duyên. Căn duyên: căn tức là nhãn căn, nhãn đối cảnh tự tâm phát hiện, do bất giác cho nên vọng sinh chấp lấy. Sắc duyên: Sắc trần vốn không, từ vô thỉ đến nay chấp lấy làm sắc, vọng tưởng huân tập giúp cho như thế. Thức duyên: Tánh của Thức là phân biệt, căn trần đối nhau mà sinh chấp. Dục kiến duyên: Tuy ba duyên hòa hợp, nếu không khởi tâm dục kiến thì các sắc tướng vẫn không thấy. Do bốn duyên này nên nhãn thức chuyển sinh, nếu suy tìm nguồn gốc mà khởi lên tàng thức, gọi là chỗ nước chảy. Do tàng thức mà sinh chuyển thức, như nước dậy sóng.

Này “Đại Tuệ! Như nhãn thức sinh tất cả các căn, hạt bụi, lỗ chân

lông đều sinh. Theo thứ lớp cảnh giới sinh cũng giống như vậy. Thí như gương sáng hiện các sắc tượng, cũng như gió lớn thổi nước biển cả”. Tâm thể như biển, tám thức như dòng nước chảy, bảy thức như dòng thác, sáu thức như sóng mồi. Nay nương tám thức trôi chảy, có nhân... thì sóng chuyển thức sinh, như nhãn thức, năm căn, cho đến đối với một hạt bụi, một lỗ chân lông, đều đồng sinh với thức, chẳng có gì là không hay biết. Theo thứ lớp cảnh giới sinh cũng giống như vậy, là ý nói cảnh giới ngoại trần cũng thứ lớp sinh với thức, muôn pháp do thức hiện là như vậy, nhưng chỗ sinh thức có chậm có nhanh, như gương sáng hiện các hình ảnh, là dụ cho nhanh chóng sinh, như gió mạnh thổi nước biển cả, là dụ cho dần dần sinh. Gương hiện bóng không có trước sau, gió thổi nước biển cả thì sóng trước khởi động sóng sau nổi theo.

35. Tâm bị trần bên ngoài làm lay động:

“Gió cảnh giới bên ngoài làm xao động biển tâm, sóng thức không dừng. Vì tướng của nhân sở tác khác, chẳng khác, hợp với tướng do nghiệp sinh vào sâu trong chấp chặt, không thể biết rõ tự tánh của sắc, v.v... nên năm thức thân chuyển. Nay Đại Tuệ! Tức là năm thức thân kia cùng chung khởi. Do đó biết tướng phần đoạn khác nhau chính là nhân của ý thức”. Tâm bị ngoại trần làm lay động như gió thổi biển cả, làm cho các sóng thức sinh nối nhau không xen hở. Tầng thức làm nhân chuyển sinh các thức, do đó vào sâu trong vọng tưởng chấp chặt, không biết tự tánh của sắc, v.v... thể vốn không, cho nên năm thức như nhãn v.v... thứ lớp chuyển sinh. Thân nghĩa là nhóm hợp tức là nhóm hợp các kiến trần thành một nhãn thức v.v... đã sinh năm thức thì có ý thức đồng duyên, cho nên nói tức là năm thức thân kia khởi chung, nhưng năm thức kia và do tướng phần đoạn khác nhau của năm trần mà sinh ra tri giác. Nhân ý thức của ý nói thức thứ năm là nhân của thức thứ sáu.

36. Nói về thân kia chuyển:

“Thân kia chuyển kia không nghĩ rằng, ta xoay vẫn làm nhân cho nhau. Tự tâm hiện vọng tưởng chấp đắm chuyển nên mỗi hoại tướng kia đều chuyển. Phân biệt cảnh giới phần đoạn khác nhau, nghĩa là kia chuyển”. Thân kia chuyển: Là năm thức kia chuyển sinh thức thứ sáu, mà thức cũng không tự cho rằng xoay vẫn làm nhân cho nhau mà sinh, đều do tự tâm hiện vọng chấp cảnh trước, cảnh có sinh diệt thì chuyển cũng theo đó, hoặc do cảnh kia có tướng biến hoại, nên thức cũng đều chuyển. Lại do thức kia phân biệt các cảnh mà thức chuyển, nên gọi là kia chuyển.

37. Người Nhị thừa nhập định Diệt Tận:

“Như người tu hành nhập thiền Tam-muội, thói quen nhỏ nhiệm chuyển mà không hiểu biết lại nghĩ rằng: Thức diệt rồi mới nhập thiền chánh định. Nhưng thật ra thức chẳng diệt mà nhập chánh định, vì hạt giống thói quen chẳng diệt cho nên không diệt. Bởi cảnh giới chuyển, nhiếp thọ không có cho nên diệt”. Đây là nói người Nhị thừa nhập định diệt tận; lấy ví dụ nghĩa tàng thức nhỏ nhiệm không diệt, vì người Nhị thừa nhập định này không thể biết là thức chuyển, tự cho rằng mình nhờ diệt các thức mà nhập chánh định, nhưng thật ra không hề diệt. Bất diệt là do hạt giống thói quen của thức nương nơi tàng thức. Định diệt tận kia chỉ hàng phục sáu thức không để chấp trần cảnh cho là diệt! Nhiếp thọ không có tức không chấp trần cảnh.

38. Hành tướng của tàng thức nhỏ nhiệm:

Này “Đại Tuệ! Như thế là bờ mé tốt ráo của tàng thức nhỏ nhiệm, trừ các Đức Phật và hàng Bồ-tát Trụ địa, còn các bậc Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo tu hành đạt được năng lực trí tuệ Tam-muội, đều không thể tính lường rành rõ”. Ở đây nói hành tướng của tàng thức nhỏ nhiệm, chỉ có các Đức Phật và Bồ-tát đẳng địa mới đạt đến bờ mé tốt ráo, tất cả Nhị thừa ngoại đạo tu hành chứng đắc năng lực Tam-muội đều không thể biết.

“Tướng các địa khác, dùng trí tuệ khéo léo phương tiện phân biệt quyết đoán cú nghĩa, gốc lành tốt đẹp vô biên đã thành thực, lia vọng tưởng luống dối do tự tâm hiện, ngồi yên nơi rừng núi, tu bậc hạ trung thượng, thấy được vọng tưởng trôi chảy của tự tâm, ở trong vô lượng cõi nước được các Đức Phật quán dẫn, được năng lực tự tại, thần lực Tam-muội, các thiện tri thức Phật tử làm quyến thuộc, các vị này đều đã vượt qua các thứ chấp tâm, ý, ý thức, cảnh giới tự tánh do tự tâm hiện khởi, các tướng luống dối, biển hữu sinh tử, nghiệp ái vô tri. Cho nên, Này Đại Tuệ! Người tu hành nên phải gần gũi hàng tri thức tối thắng”. Tướng các địa khác nghĩa là người tu tập như thật hành trì, dùng năng lực trí tuệ khéo léo phương tiện phân biệt tướng các địa. Quyết định cú nghĩa tức khéo thông đạt các cú nghĩa. Gốc lành thành thực nghĩa là đối với vô biên Đức Phật, tu tập gốc lành trên hết. Dứt bỏ vọng tưởng luống dối do tự tâm hiện nghĩa là không còn vọng tưởng phân biệt, tự tâm hiện liền biết được. Rừng núi là chỗ tu hành, bậc hạ, trung, thượng, căn khí khác nhau đều thấy được vọng tưởng trôi chảy tự tâm lưu chú, cho nên đối với vô lượng cõi nước, được các Đức Phật làm pháp quán dẫn, chính là được thần thông Tam-muội tự tại, các bậc tri thức và các

vị Bồ-tát làm quyến thuộc. Các vị ấy đều biết tâm, ý, ý thức các cảnh giới sở hành nên có thể thoát khỏi nghiệp ái vô minh trong biển lớn sinh tử, cho nên khuyên bảo tu hành, là khuyên nên gần gũi những vị tu học đúng như thật. Lời nghĩa của đoạn văn kinh này ẩn kín, xưa chú giải phần nhiều khác nhau, ở đây y theo những chỗ rõ ràng trong bản dịch đời Đường để giải thích.

39. bài trùng tụng nói lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Ví như sóng biển cả
 Đây do gió mạnh thổi
 Sóng lớn dậy biển cả
 Không có lúc ngừng lặng
 Biển tàng thức thường trụ
 Cảnh giới gió lay động
 Lớp lớp các sóng thức
 Àt mà chuyển sinh
 Các màu sắc xanh đỏ
 Sữa đặc và đường phèn
 Vị lạt sinh hoa quả”.*

Tám câu đầu nói cũng như gió mạnh thổi nước biển cả. Các màu xanh đỏ ở đây gồm sáu trần truy tìm cảnh giới bên ngoài, gió thổi trôi giạt biển tâm. Xanh đỏ là màu có khả năng sinh khởi nhãn thức. Kha bội là âm thanh có thể sinh khởi nhĩ thức. Đàn nhũ là hương vị làm cho sinh khởi tỷ thức. Mộc la, thạch mật là xúc làm sinh khởi thân thức. Cam đàm thuộc vị trần làm sinh khởi thiệt thức. Hoa hiện tại có công năng sinh ra quả vị lai, lớp lớp pháp trần làm sinh khởi ý thức, đó gọi là gió cảnh giới khởi động sóng biển tâm thức.

*“Trời trắng và ánh sáng,
 Chẳng khác chẳng không khác,
 Nước biển nổi sóng biển,
 Bấy thức cũng như vậy,
 Tâm cùng hòa hợp sinh”.*

Hai ví dụ này chính là nói thức tâm thứ tám cùng thức thứ sáu hòa hợp sinh chẳng khác, chẳng phải không khác, nói bấy thức là nói gồm có ý căn, ý thức, và năm thức thân, chẳng phải nói là thức thứ bảy. Trời trắng, nước biển cả dụ cho gốc, ánh sáng sóng mòi dụ cho ngọn.

*“Thí như nước biển động
 Lớp lớp sóng mòi dậy.*

*Bảy thức cũng như vậy
 Tâm cùng hòa hợp sinh.
 Là chỗ tàng thức kia
 Các thức nghiệp chuyển dậy.
 Là do ý thức kia
 Suy nghĩ nghĩ các tướng.
 Tướng bất hoại có tám
 Vô tướng cũng vô tướng
 Ví như sóng của biển
 Cho nên không khác nhau.
 Các thức tâm như thế
 Khác cũng không thể được”.*

Đây là y theo dụ sóng biển ở trên lại chia làm hai nghĩa: Dụ ban đầu nói khác là y theo kinh Lăng-già, thường thì bảy thức này cũng giống như vậy, tâm cùng hòa hợp sinh. Vì bản này dụ tám thức chuyển sinh các thức như nước biển biến động dậy lên sóng mòi. Nói do ý thức kia tư duy các tướng là do ý thức tư duy tướng sáu trần... cho nên nói là khác. Ví dụ kế là ý nói chẳng khác, kệ chép: Tướng Bất hoại có tám, nghĩa là tám thức không có hoại tướng. Vô tướng cũng vô tướng nghĩa là tám thức vốn không có tướng nên không thể thấy được, các thức đồng nương tàng thức cũng không có tướng có thể thấy được, như sóng và biển tuy khác nhưng đồng một tánh ướt, chẳng khác nhau. Các thức đều do tâm nên nói khác cũng không thể được; cho nên nói rằng, khác cũng không thể được.

*“Tâm danh chứa nhóm nghiệp,
 Ý danh rộng gom góp,
 Các thức thức sở thức,
 Cảnh hiện ra nói năm”.*

Thích Luận chép: ba thứ tâm, ý, thức chỉ là một pháp, chỉ có tên khác; đối số gọi là tâm, năng sinh gọi là ý, phân biệt gọi là thức. Nói tâm danh chứa nhóm nghiệp, nghĩa là tướng căn trần đối nhau, một niệm tâm khởi mà sinh chấp chặt thành nghiệp thiện ác. Nói ý danh rộng gom góp, là do tâm trước chuyển nhập ý căn, sanh tham sân si, gây ra các nghiệp. Các thức, thức sở thức là thức thứ sáu phân biệt, năm thức trước sở thọ năm trần, cho nên nói cảnh hiện thấy nói năm, năm là năm thức.

40. Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi Phật, Đức Phật dùng kệ đáp:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi Phật:

*“Xanh đỏ các sắc tượng,
Chúng sinh phát các thức,
Các thứ pháp như sóng,
Thế nào cúi xin nói”.*

Trên nói các trần như xanh đỏ v.v... phát sinh năm thức như sóng biển, chẳng phải một chẳng phải khác. Lại nói rằng: Tâm có công năng chứa nhóm các nghiệp, cho nên có câu hỏi này.

Khi ấy, Đức Thế tôn dùng kệ đáp rằng:

*“Xanh đỏ các thứ màu,
Sóng mòi đều không có,
Gom góp nghiệp nói tâm,
Khai ngộ các phàm ngu”.*

Hai câu tụng trên là nói pháp dụ đều không, câu kế tiếp là nói tâm ý chứa nhóm thành nghiệp, giúp cho phàm phu biết do gây ra nghiệp mà ngộ bản tánh.

*“Nghiệp kia đều không có,
Tự tâm sở nhiếp là,
Sở nhiếp không sở nhiếp,
Đồng với sóng mòi kia”.*

Bài kệ này nói rõ nghiệp sở tạo và tâm năng tạo đều vắng lặng cũng giống sóng mòi, nhiếp tức là chấp.

*“Thọ dụng lập ra thân,
Là hiện thức chúng sinh.
Đối kia hiện các nghiệp,
Thí như nước, sóng mòi”.*

Bài tụng này nói y báo chánh báo và nghiệp sở tạo của chúng sinh đều do tự tâm vọng tưởng hiện, như nước dậy sóng, nhưng thấu đạt vọng tức là chân như, sóng tức là nước, đồng một tánh ướt, đâu có khác nhau.

41. Bồ-tát Đại Tuệ lại dùng kệ hỏi, Đức Phật đáp:

Bồ-tát Đại Tuệ lại nói kệ hỏi:

*Tánh biển và sóng mòi,
Nổi dậy phân biệt được.
Tàng và nghiệp cũng vậy,
Vì sao chẳng giác biết”.*

Câu hỏi này ý nói pháp dụ là đồng, vì sao chúng sinh có biết, không biết.

Đức Thế tôn dùng kệ đáp:

*“Phàm phu không trí tuệ,
Tàng thức như biển cả.
Nghệp tướng như sóng mòi,
Nương thí dụ mà biết”.*

Phàm phu vô trí không thể hiểu biết, tạng thức như biển thường trụ, nghiệp tướng như sóng chuyển sinh. Nêu ví dụ dẫn chứng so sánh để giúp cho kia thông hiểu.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại nói kệ hỏi:

*Mặt trời mọc trước chiếu,
Chúng sinh hạ trung thượng,
Như lai chiếu thế gian,
Vì ngu nói chân thật.*

Đã phân bộ các pháp, vì sao không nói thật”.

Ý của câu hỏi, này là thỉnh nói cảnh giới pháp thân, xin nói thật cho chúng sinh nghe; song, Như lai chỉ nói các bộ pháp tướng tàng thức như biển.... Vì vậy cho nên lập thí dụ để hỏi. Đã phân các bộ sao không nói thật.

Bấy giờ, “Đức Thế tôn dùng kệ đáp:

*Nếu nói chân thật ấy
Tâm kia không chân thật
Thí như biển, sóng mòi
Bóng trong gương và mộng
Tất cả đồng thời hiện
Tâm, cảnh giới cũng vậy.*

Ý Như lai là muốn nói thật, mà chưa nói là vì căn cơ chúng sinh chưa thuần thực, cho nên nói tâm kia không chân thật, do không chân thật nên Như lai nói tạng thức chuyển sinh các thức, như biển dậy sóng và hình ảnh trong gương, việc trong mộng. Tuy đồng thời đều hiện nhưng chẳng chân thật; nên tâm, cảnh giới cũng giống như vậy.

42. Cảnh giới bên ngoài chẳng phải tâm sẵn có:

*“Vì cảnh giới không có,
thứ lớp nghiệp chuyển sinh.
Thức là thức sở thức
Ý là ý cho thế
Năm thức do hiển hiện
Không có định thứ lớp”.*

Ở đây nói cảnh giới ngoài trần chẳng phải tâm sẵn có, chỉ tùy nghiệp chuyển sinh, sáu thức phân biệt trần bên ngoài do năm thức sở

chấp cho nên nói thức sở thức. Ý căn đối với pháp trần mà khởi ý thức cũng giống như vậy. Năm thức tùy theo năm trần mà hiển hiện, đâu có nhất định thứ lớp mà sinh.

43. *Và học trò thợ vẽ,*

*Trên vải, vẽ các hình,
Ta nói cũng như vậy.
Màu sắc vốn không nét,
Chẳng nét cũng chẳng vải.
Vì làm vui chúng sinh,
Hòa lẫn vẽ các hình”.*

Dụ này nói lên lời nói văn tự không có thật nghĩa. Như lai tùy căn cơ nói pháp, như người thợ vẽ theo hình mà vẽ tượng. Nhưng vẽ tượng tuy do màu sắc và nét lụa mà thành, thật ra chẳng phải do màu sắc nét lụa, nhưng vì làm vui ý thích chúng sinh nên giả vẽ ra các ảnh tượng.

44. *Pháp còn bỏ hướng chi phi pháp:*

*“Lời nói khác việc làm,
Chân thật lia văn tự.
Phân biệt vì sơ cơ,
Tu hành bày chân thật,
Chỗ chân thật tự ngộ,
Lìa năng giác, sở giác.
Đây nói cho Phật tử”.*

Lời nói khác việc làm... nghĩa là đối với căn cơ mà lập ra ngôn giáo, chẳng thật ở tại ngôn giáo, vì sự chân thật kia vốn lia danh tự, cho nên phân biệt là vì kẻ sơ cơ. Sơ nghiệp là người mới phát tâm. Nếu có tâm chân thật thì nên bày pháp chân thật, giúp cho người kia tu hành và ngộ chỗ chân thật, cho nên năng giác sở giác đều bỏ, hướng chi là lời nói!

45. *Nói pháp phải hợp cơ:*

*“Người ngu phân biệt rộng,
Các thứ đều như huyễn,
Tuy hiện không chân thật,
Nói các thứ như thế,
Tùy việc lập ra riêng,
Lời nói chẳng thích hợp,
Kia cho là phi thuyết”.*

Ở đây lại giải thích-câu Ứng sơ nghiệp. Tuy vì người ngu rộng dùng ngôn giáo các thứ phân biệt; thật ra kia chẳng phải thật, cũng như

nhà ảo thuật hóa ra các tướng đều chẳng chân thật, cho nên các thứ lời nói tùy căn cơ phương tiện lập ra đó thôi! Nói ra chẳng thích hợp là đối với người Tiểu thừa, nói pháp chân thật cho họ nghe thì chẳng thích hợp, họ lại cho là phi thuyết, cái gọi là nói pháp không hợp cơ, lại thành đại vọng ngữ.

46. *Thầy thuốc tùy bệnh cho thuốc:*

*“Tất cả người bệnh kia, Thầy thuốc tùy
chỗ dùng Như lai vì chúng sinh, Tùy tâm
ứng lượng nói,
Vọng tưởng chẳng cảnh giới, Thanh văn cũng
chẳng phần. Vì thương người mà nói,
Về cảnh giới tự giác”.*

Thầy thuốc tùy bệnh cho thuốc khác nhau, hướng chi Như lai ứng lượng nói pháp cũng có khác nhau. Song Như lai nói cảnh giới tự giác chân thật, chẳng phải cảnh giới của Tiểu thừa. Vọng tưởng tức ngoại đạo, kinh Nhập Lăng-già chép: Ngoại đạo phi cảnh giới, Thanh văn cũng như vậy.

